SÔNG BẰNG
BẾ LÃNG NGOẠN
biên soạn

VÂN HẠC
LÊ VĂN HOÈ
san nhuận

VIỆT-HOA THÔNG SỨ SỬ-LƯỢC

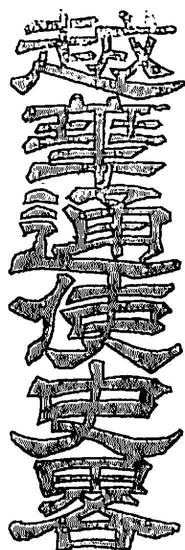
TỦ SÁCH QUỐC-HỌC

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

SÔNG-BẰNG BIÊN-SOẠN
VĂN-HẠC SAN-NHUẬN

VIỆT-HOA THÔNG SỨ

SỨ-LƯỢC



TỦ SÁCH QUỐC-HỌC



QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Lời nói đầu

Đọc lịch-sử nước nhà chúng ta đều nhận thấy rằng : Tuy ở liền với Trung-Quốc — một nước đất rộng, người nhiều và có một nền văn-minh sớm vào bậc nhất thế-giới — nhưng trải qua mấy nghìn năm thành, bại, hưng, vong, dân-tộc Việt-Nam vẫn giữ được bản-sắc riêng. và tuy bị Bắc-Thuộc ngót 11 thế-kỷ nước Việt-Nam vẫn không bị hoàn-toàn Trung-Quốc-hóa. Đã thế, nhờ có tinh-thần đoàn-kết mạnh-mẽ, biết bao nhiêu lần ông, cha chúng ta đã đại-thắng Trung-Quốc, củng-cố được địa-vị của mình trên bán-đảo Đông-Dương. Tuy vậy từ đời Đinh (968-980) đến cuối đời Tự-Đức (1847-1883) dù vẫn giữ được nền độc-lập thực-tế về chánh-trị, nhưng chung quy các vị quốc-vương Việt-Nam vẫn «nạp cống» sang Trung-Hoa.

Sở dĩ ông, cha ta phải thần-phục Bắc Triều như vậy là vì muốn thực-hành chánh-sách «hòa phía Bắc, diệt miền

Nam ». Chánh-sách ấy đã thu được kết qủa tốt đẹp : Nước Nam đã thôn-tính được nước Chiêm-Thành và đất Thủy Chân Lạp.

Thông-Sứ với Bắc-Triều là phương-tiện cốt yếu của chánh-sách đó. Vậy chúng ta nên biết qua những mánh-khóe ngoại giao trong cuộc thông-hiếu với Trung-Quốc, những cống-phẩm, tước phong, qua các thời-đại cùng những cuộc sứ-trình, những hành-vi và tiết-tháo của những vị Tuế-Cống-Sứ Việt-Nam, những mối duyên văn ràng buộc sĩ-phu Trung-hoa với các bậc khoa-hoạn nước nhà. Tất cả những điều gì có liên-can đến cuộc thông-sứ. Đó chính là nội-dung cuốn sách nhỏ này.

Ở đây chúng tôi xin trân-trọng cảm-tạ Trần văn-Giáp tiên sinh đã chỉ-dẫn cho chúng tôi nhiều tài-liệu qúy (sưu-tầm trong thư-viện trường Viễn-Đông Bác-Cổ) dùng để viết sách này. Chúng tôi lại không quên cảm-tạ ông Lê văn-Hoè Giám-đốc Quốc-học thư xã — đã bảo-ban chúng tôi ít, nhiều phương-pháp làm sách, và

đã vui lòng nhận san nhuận sách này. Chính tên sách « Việt, Hoa thông-sử sử-lược » cũng là do ông đặt cho.

Viết tại Hà-nội
ngày 22 Mai 1943
Sông Bằng
BẾ LÃNG NGOẠN

Những sách, báo tham-khảo.

Sách chữ Hán :

KHÂM-ĐỊNH VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM-CƯƠNG MỤC.

LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG LOẠI CHÍ (VĂN TỊCH CHÍ, NHÂN VẬT CHÍ, BANG GIAO CHÍ).

BẮC QUỐC LAI PHONG KHẢI.

NHƯ THANH SỨ TRÌNH.

TÂY-SƠN BANG GIAO TẬP.

ANNAM CHÍ-LƯỢC.

Sách chữ Pháp

HISTOIRE MODERNE DU PAYS D'ANNAM CH. B. MAYBON.

HISTOIRE DE L'EXTRÊME-ORIENT GROUSSET

HISTOIRE DES RELATIONS DE L'ANNAM AVEC LA CHINE DU XVIème AU XIXe SIÈCLE PARIS 1880 GRABIEL DEVÉRIA.

L'ANNAM DU MOYEN-ÂGE H. CASTONNET DES-FOSSES.

RELATION DU ROYAUME DU TONQUIN MARINI.

L'EMPIRE D'ANNAM CAPITAINE GOSSELIN.

RELATION D'UNE AMBASSADE ANNAMITE EN CHINE AU XVIIIe SIÈCLE TRẦN VĂN-GIÁP.

Sách quốc ngữ

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC TRẦN TRỌNG KIM.
VIỆT NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ NGUYỄN ĐỔNG CHI
NAM HẢI DỊ. NHÂN PHAN KẾ BÍNH.
NGƯỢC ĐƯỜNG TRƯỜNG THI NGUYỄN TRIỆU LUẬT.

Tạp chí:

BULLETINS DES AMIS DU VIEUX HUẾ
BULLETINS DE L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT
BULLETINS DE LA SOCIÉTÉ DES ÉTUDES INDOCHINOISES DE SAIGON
LA REVUE INDOCHINOISE.
NAM-PHONG TẠP CHÍ.
TRI-TÂN TẠP CHÍ.
TRUNG BẮC CHỦ-NHẬT.

Phần thứ nhất

Nguyên-nhân sự cống-hiến. Cống-phẩm. — Tước phong. — Hành-trình sứ Việt-nam sang Trung-quốc và sứ Trung-quốc sang Việt-Nam. Nghi lễ tiếp, rước sứ Việt-Nam ở Trung quốc và sứ Trung-quốc ở Việt-Nam, — Công-quán. — Lễ tuyên-phong.

II

Những mối quan - hệ giữa người TRUNG-HOA và người VIỆT-NAM

Theo Léonard Aurousseau (origine des Annamites BEFEO) thì tổ-tiên chúng ta vốn là người nước Việt ở miền hạ-lưu sông Dương-Tử bị nước Sở đời Xuân Thu đánh đuổi phải chạy xuống miền nam ở Quảng-Đông, Quảng-Tây rồi dần dần đến Bắc-kỳ và bắc bộ Trung-kỳ.

Theo B. Maybon và Henri Russier (1)

---

(1) Notions d'histoire d'Annam page 6 Les Annamites sont probablement originaires des régions montagneuses qui marquent la limite entre la Chine et le Thibet.

thì gốc-tích người Việt-Nam hẳn là ở những giặng núi hiện nay còn làm địa giới cho Trung-Quốc và xứ Tây-Tạng.

Trái lại, theo tục-truyền thì vua Đế Minh (1) tổ-tiên người Việt Nam là cháu ba đời vua Thần-Nông,

Cả ba thuyết đều phỏng-đoán. Nhưng chúng ta có thể tin chắc rằng tổ-tiên chúng ta đều tự Trung-Quốc sang. Suốt đời Hồng-Bàng (2879-258 tr. tây lịch, đời Thục (257-207 tr. Tây Lịch, nước Việt-Nam chỉ là một trong những bộ-lạc Trung Hoa. Sau này có Triệu-Vũ Vương chống lại nhà Hán nhưng Vũ-Vương là người Tầu nên người Việt-Nam càng dễ bị ảnh-hưởng kinh-tế, xã-hội, văn-hóa Trung-quốc. Đã thế, giữa lúc những đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật đua nhau phát triển ở bên Tầu thì đất Việt-Nam lại bị Bắc thuộc ngót 11 thế kỷ (từ năm canh ngọ 111 trước Tây-Lịch đến

1) Việt Nam sử-lược của Trần Trọng Kim, cuốn thượng trang 6.

năm kỷ hợi (939) sau Tây-Lịch) Bị sáp-nhập vào bản đồ Trung-Quốc, bất cứ điều gì ta cũng noi theo Tầu, cả đến tôn-giáo và học-thuật. Sự tiến-hóa trong nước vì thế không có sức mạnh gì đun đẩy đến sự cần dùng và sự đua tranh. Không cần dùng thì không cố gắng, không đua ranh thì không có óc sáng-kiến nên chẳng bao giờ tài giỏi. Lại nữa, nước Việt-Nam ở vào miền nóng nực, ăn mặc thường giản-dị, đơn-sơ, sinh sống thích nhàn tản an lạc. Cho nên ta chỉ bắt chước được chứ không phát biểu được một ý-kiến gì. Phía đông giáp biển phía tây, phiá nam giáp-giới những sứ Chiêm-thành, Ai-lao văn minh thấp kém, nước ta chỉ cho Trung-Quốc ở phiá bắc đáng làm khuôn mẫu, nhưng Trung-Quốc xa ta quá, đường giao-thông lại bất-tiện, sơn xuyên cách trở, dân gian hầu hoặc mới ra tới bờ cõi nước nhà, vì thế không có sự cạnh-tranh.

Về phương-diện chính-trị và kinh-tế đã như vậy, thì cố-nhiên về tinh-thần trước sau nước Việt-Nam vẫn chỉ là một

thuộc-quốc của Trung - Hoa. Miệt mài những Tứ-Thư, Ngũ-Kinh những triết-lý Khổng, Mạnh các cụ thủa xưa thật đã phụng sự văn-hóa Trung-Hoa từ thể-chất đến tinh-thần, từ hình thức đến đạo-lý. Giấy dùng giấy Tương-Dương Hồ-Nam, mực Tùng-Tu, Hi-Châu, bút Giang-Tô, Triết-Giang còn sách toàn dùng sách in sẵn của Tầu. Đã hoàn-toàn hấp thụ văn-hóa Trung-Hoa nên vua Việt-Nam bao giờ cũng sợ Trung - Quốc tuyệt-giao với nước mình. Vì nếu sợi giây giao thiệp đứt, thì Trung - Quốc sẽ không bán sách, vở, các điền-khí, đồ sắt cho người Việt-Nam. Đời sống tinh-thần và kinh-tế sẽ bị ngừng trệ. Đấy là chưa kể đến nguyên - nhân thiết-cận nhất là Trung-Quốc tuy lớn, mạnh nhưng bao giờ các « Thiên Triều Hoàng-Đế » cũng vẫn còn muốn thôn-tính những nước lân-cận để mở rộng thêm lãnh thổ. Nước Việt-Nam là một trong những nước ấy. nên muốn tránh những trận chiến-tranh khốc-liệt, vua Việt-Nam đã phải từ thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, nhận «tước phong» của Tầu. Lễ

thụ phong đã thành lệ, thậm-chí một đôi lần người Việt-Nam đại-thắng « Thiên Triều » nhưng sợ một cuộc phong-tỏa vĩnh-viễn, nên cứ mỗi khi xung-đột xong, sứ-thần Việt-Nam lại sang Tầu, vua Việt-Nam lại nhận tước phong. Những tấn-kịch mâu-thuẫn ấy luôn luôn diễn ra, nghĩa là kẻ chiến-thắng phải cầu-hòa với kẻ chiến-bại. Trải qua bao nhiêu thời-đại khởi-thủy tự lúc Lý thường Kiệt đánh Tống, rồi Trần Hưng-Đạo chống Nguyên, Lê thái Tổ đuổi giặc Minh, Nguyễn Quang-Trung đại phá quân Thanh, cứ mỗi lần thắng trận là vua Việt-Nam, muốn giữ cho cuộc giao-hảo với Trung-Quốc được lâu bền, lại phái Tuế-cống-sứ sang Tàu.

Thêm vào những lý-do kể trên, còn một nguyên-nhân buộc các vua Việt-Nam thủa xưa phải thông-hiếu với nước Tầu. Tuy thiếu óc sáng-kiến nhưng tinh-thần đoàn-kết của dân-tộc Việt-Nam bao giờ cũng mạnh. Dân-tộc ấy, cách đây hơn bốn nghìn năm đã từ miền Nam Trung-hoa đem nhau về phía Nam sinh sống bên giòng sông Nhĩ-hà,

Đất hẹp dân thưa, nhưng biết đoàn-kết với nhau nên hết thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, dân-tộc ấy vẫn hùng-tráng sống một đời vẻ-vang. Dù luôn luôn bị nước láng-giềng to lớn xâm-chiếm nhưng tiềm-tàng một linh-hồn mạnh-mẽ dị-thường, dân-tộc Việt-Nam, trước sau vẫn giữ được đặc-tính, cùng bản-sắc. Nhận thấy người miền Nam hèn yếu hơn mình, ông cha chúng ta liền tiến-hành cuộc Nam-tiến.

Quân Việt-Nam đã vượt núi, qua sông, diệt nước Chiêm-Thành, nước Chân-Lạp, thôn-tính xứ Ai-Lao, bảo hộ xứ Cao-Mên. Các dân-tộc trên không những hiếu-chiến lại phản-bội luôn luôn, vua, quan Việt-Nam bao giờ cũng phải chuyên-chú tâm-lực vào họ để áp-đảo và mưu cuộc bình-trị nên thiếu lực-lượng chống-cự với những đạo quân dũng-mãnh miền Bắc.

Ấy, đại-đề việc nước Việt-Nam cống hiến Trung-Quốc không ngoài mấy nguyên-nhân kể trên.

II

Chánh - sách đối - ngoại của các vua Việt-Nam thủa xưa

Sau 1.000 năm bị nước Tầu đô-hộ (111 tr. Tây Lịch. 939 sau T. lịch) từ đời nhà Đinh (T. 968 980) đến cuối đời Tự - Đức (1847-1883) tuy vẫn giữ được nền-độc-lập thực-tế về chánh-trị nhưng vua Việt-nam vẫn nạp cống sang « Thiên-Triều » và chỉ được phong là Giao-Chỉ Quận Vương, Annam quốc-vương hoặc Annam đô-thông sứ. Đời Tự-Đức năm thứ 2 (1848), ngày 22 tháng 7, khi Thanh-sứ là Lao sùng - Quang khâm mạng vua Tầu sang phong - vương cho vua nước

ta, triều-đình Huế đã căng gấm che chữ Điện, hay cất những biển Cần - chánh điện, Thái-hòa-điện đi, vì chữ *điện* chỉ « Thiên-tử » được dùng còn chư-hầu thì có những chữ dưới một bậc như : cung lâu, các. Trong chiếu-dụ vua Việt-Nam vẫn xưng Trẫm nhưng ở biểu dâng sang « Thiên Triều » vẫn nhũn nhặn xưng « Annam quốc vương thần... » và dùng ngày, tháng niên-hiệu Tàu.

Tuy thế mặc dầu, đối với Trung-Quốc người Việt-Nam vẫn giữ được nguyên vẹn tính-cách độc-lập. Và Hoa-Kiều sang Annam sinh cơ lập nghiệp vẫn phải theo luật-pháp Việt-Nam. Đời Lê Trung Hưng (1532-1788) người ngoại-quốc trong đó đại-đa-số là người Trung-Quốc — chỉ được ngụ-cư từ bờ biển đến phố Hiến - (Hưng-Yên) Sau này, được chúa Trịnh cho phép, Hoa-Kiều mới được lên Kinh-đô Thăng-Long (Hà-nội) Đời Minh-Mệnh (1820-1848) Thiệu-Trị 1840-1847) Tự-Đức (1848-1883) triều Nguyễn, người Trung Quốc ở Hà-nội vào hầu quan Hà-Ninh tổng-đốc đều phải trụt giầy đi chân không

Có lắm người đã phải nọc ra đánh vì không giữ lễ.

Coi đó thì vua Việt-Nam về danh-nghĩa tuy người Trung-hoa đãi như một biên-thần nho nhỏ, nhưng về thực-tế lại nghiễm-nhiên là một vị quân-chủ độc-lập hoàn-toàn. Và, ở vào trường-hợp này, chữ Sứ dịch ra tiếng Pháp là « ambassadeur » không phải là một quan khâm-mạng nhà vua thực-hành Sứ mệnh ở ngoại-quốc. Nước Việt-nam không bao giờ có đại-sứ bên Bắc-Triều. Vua Việt Nam chỉ phái Tuế cống-Sứ sang Tầu chuyên chủ-trương những cuộc giao-hảo hay mang cống-phẩm cống-hiến.[1] Tuế cống-Sứ đời trước cũng có thể vì như những vị tổng-trưởng ngoại-giao hiện thời.

Khi cuộc thông-Sứ tuyệt thời mối bang-giao gián-đoạn, hai nước lại có trận giao-phong. Chiến-tranh xong, mặc dầu ta toàn thắng song nước ta vốn là nước nhỏ chẳng bao giờ đủ lực-lượng cầm-cự với Trung-Quốc một cuộc phản-kháng lâu dài nên dù « được trận » ta cũng phải tìm cách khéo léo tuyên-bố cùng nước

Tầu vừa « thua trận » là họ « không thua » Vì thế sau mỗi cuộc xung-đột lại cần đến sự biểu-trá bằng bút mực, và sứ-thần lại đem hết tài-học của mình để làm tròn sứ-mệnh nhà vua phó thác cho Khi sứ-thần vào triều-kiến, vua Trung-hoa thường hay ra văn-sách, câu đối hoặc bầy ra một câu hiểm-hóc thật khó cốt để thử xem trình-độ học-vấn nước Chư-hầu. Đi sứ mà ứng-đối không giỏi tức là làm nhục quốc-thể. Bởi vậy suốt một nghìn năm giao-hảo. những vị quan lĩnh trách nhiệm ấy hoặc được cử ra tiếp Sứ Tàu đều là những văn-quan. Sự lựa chọn này không những căn-cứ ở cách ăn nói bặt thiệp, xử-thế khéo léo nhưng còn vin vào lẽ Trung-Quốc là một nước văn-hiến mà hương hoa đất nước và những tư-tưởng siêu-phàm đều do những văn-nhân tạo nên. Muốn biết trình-độ học-thức và lịch-trình tiến-hóa của một dân-tộc chỉ cần giao tiếp với những nhà « cầm bút » đại biểu cho phái trí-thức. Từ năm mậu-thìn (968) đến năm qúy-mùi (1883) sự nhu-cầu đó đã đào-tạo ra bao nhiêu bậc tài-hoa lỗi

lạc, học-lực uyên-thâm, giao-thiệp rộng, kinh-nghiệm nhiều, mánh-lới tinh, khả dĩ giữ được thể-diện cho cả giống nòi Nam-Việt. Chu-Sán, sứ-thần Trung-Quốc đời Thanh Thánh-Tổ (Khang - hi 1662-1722) sang An-nam vào khoảng niên-hiệu Chính-hòa 1680-1705 đời vua Lê hi-Tông trong tập « Sứ giao ngâm hoàn », đã phải viết rằng : « Nhân - tài nước Việt Nam lý-học giỏi nhất Trình-Toàn (Nguyễn bỉnh Khiêm) văn-học có Nguyễn đăng Cảo, Hồ sĩ Dương, Vũ - Duệ, còn tài kinh-tế thì không ai bằng Mạc đĩnh-Chi, Nguyễn trung-Ngạn, Nguyễn Trãi v.v. »

Đương thời lúc Chu-Sán sang sứ An-nam vua Lê hi-Tông còn sai Nguyễn đình-Trụ, Trần Đảo, Tống nho, Vũ duy Khuông, tiếp « Sứ », Nguyễn công Vọng, Lê Hi, Nguyễn đình-Cổn. Hoàng công Chân làm bồi - tiếp, Nguyễn trạc-Dừng, Nguyễn công Nho, hộ-tống. Những vị đó tặng Chu-Sán hơn 34 bài thơ. Sán đều trân-trọng biên vào tập « Nam giao hảo âm. »

nước lớn nhưng nhiều khi trở thành những tặng-phẩm chiếu-lệ, nghĩa là miễn có cống là được rồi. Cống-phẩm trừ vàng, bạc, châu báu ra, thường ít khi được Thiên-tử để ý đến hay ngự dùng.

Theo ông Tuế cống-sứ năm mậu-thìn (1868) là Nguyễn tư Giản (1) thuật chuyện lại thì một hôm vào điện vua Tàu chơi, ông thấy những thanh quế thật to trên viết những chữ « ngự dụng Việt-Nam Thanh-Hóa quế » ông liền hỏi viên quan coi kho : « Đây hẳn là quế cống ?» Viên quan mỉm cười trả lời : « Không phải đấy là quế nội-phủ, Hoa-kiều bên quý-quốc mua gửi về. Quế cống « vứt » ở trong kia mà cũng chẳng ai nhìn đến ».

Tuy thế mặc dầu, khi nào sự cống-hiến ngừng-tuyệt thì mối giao-thiệp giữa Việt Nam và Trung-Quốc bị cắt

---

(1) Theo « Ngược đường Trường Thi » của Nguyễn Triệu-Luật trang 64 (Tân-dân thư quán xuất bản).

đứt, và giữa hai nước có thể gây nên cuộc chiến-tranh.

.˙.

Đời Triệu năm Ất-tị (196 tr. tây Lịch, năm thứ 12 đời Triệu Vũ-Vương (207-137 tr. Tây Lịch) năm thứ 11 đời Hán cao-Tổ, Hán-đế sai Lục-Giả sang phong vương cho Triệu-Vũ-Vương, từ đó trở đi Trung-Quốc và Nam - Việt thông hiếu rất thân-mật. Năm mậu-ngọ (183 tr. Tây Lịch) Hán-cao-Tổ mất, Lữ-Hậu lâm-triều tranh quyền Huệ-đế cấm người Hán bán đồ sắt và điền-khí cho người Nam. Vũ-Vương tức giận tự-lập làm Nam-Việt hoàng-đế rồi cử binh-mã sang đánh Tràng Sa (Hồ nam) Năm canh-thân (181 tr. Tây Lịch) Hán-Triều sai tướng đem quân sang đánh nhưng không hợp thủy-thổ bị thua to. Thanh-thế Triệu vũ vương lừng lẫy khắp mọi nơi. Được ít lâu Hán văn-Đế lên ngôi sai Lục-Giả đưa thư sang khuyên, Triệu Vũ-Vương chịu bỏ đế-hiệu viết thư phúc-đáp rồi sai sứ sang cống nhà Hán :

1 Đôi ngọc trắng, 10 bộ sừng tê-giác, 500 con đồi mồi, 1.000 con chim chả, một đôi khổng-tước, một hộp quế-đố (1)

. . .

Đinh (*968-980*), **Tiền-Lê** (*980-1009*), **Lý** (*1010-1225*)

Đời Đinh sự cống-hiến bắt đầu từ năm nhâm-thân (972) và sứ-bộ do Đinh-Liễn con trưởng Đinh-Tiên-Hoàng đứng đầu. Sau, nhà Tiền Lê (980-1009) nhà Lý (1010-1225) cũng thường phái sứ sang Bắc-Triều (2) Cống-phẩm bấy giờ không ngoài những : vàng bạc, châu báu, tê-giác, ngà voi, bạch-phấn y hương, giáng chân hương, trầm hương-tốc hương, mộc

---

(1) Quế đố ta gọi là « Đà cuống » là sản cây quế ăn cá mùi thơm thường rất sẵn ở miền thôn-quê, nhưng ở Tây-Hồ có hương-vị hơn. Triệu Đà đem cống nhân mệnh-danh là « Quế Đố ». Hán văn-Đế cho là Đà nói dối nên gọi là Đà-cuống (cuống là nói dối)

(2) Trước đời Đinh (968-980) tiết độ-sứ Giao-châu là Khúc-Hạo đã sai con là Khúc thừa-Mỹ sang sứ Nam-Hán tiếng là kết-hiếu nhưng cốt dọ thám tình thế nước Tàu.

hương, bắc tuyến hương, chỉ phiến, tử giáng hương. hạt cau (bính lang), sa-nhân, chu sa, tô hợp dầu v. v.

.·.

Trần..(1225-1400) Vào khoảng niên-hiệu Thiên-Long (1258-1272) Bảo-Phù (1273-1278) đời Trần thánh-Tông (1258-1288) vua nhà Nguyên (1280-1341) muốn thôn-tính Việt-nam, nên không những buộc Trần thánh-Tông ba năm cống-hiến một lần mà cống phẩm ngoài vàng, bạc, đồi-mồi sừng tê-giác v. v. còn gồm cả nho-sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy số và thợ thuyền mỗi hạng ba người.

Sau khi Hưng-đạo đại-Vương Trần Quốc-Tuấn 2 lần chiến-thắng Thoát-Hoan (1284 1288) thì cống-phẩm lại tăng lên gấp bội. Vì tuy đại-thắng về mặt trận binh-bịnh hưng về mặt trận ngoại-giao ta vẫn phải nhún nhường, mục-đích không ngoài việc giữ yên bờ cõi.

Lúc nhà Nguyên suy yếu, lệ triều-cống bỏ hẳn. Dứt được nhà Nguyên, Minh Thái-Tổ (1368-1398) muốn thôn-tính

Việt-Nam bèn sai sứ sang hạch cái nọ, đòi cái kia. Ngoài những cống-phẩm thường lệ, năm Giáp-tí (1384) vua Tầu còn buộc Trần Phế-Đế (1377-1388) phải cấp 5000 thạch lương cho quân Minh đóng tại Vân-Nam. Năm Ất-sửu (1385) nhà Minh lại đem 20 tăng-nhân Annam về Kim-Lăng và đòi gỗ quý, lương-thảo, mục-đích để xem xét tình-hình nước ta thủa ấy thế nào.

. · .

Hồ (1400-1407) Họ Hồ tiếm-nghịch, Hồ-qúy-Ly cắt 59 thôn ở Cổ-Lâu thưởng cho nước Tầu rồi luôn luôn giữ lệ triều-cống. Tuy vậy, nhà Minh vẫn nhòm ngó và cử quân xâm-lược Việt-Nam. Hồi thuộc Minh (1424-1427) hằng năm ta phải đóng góp cho Tầu : 13 triệu 60 vạn hộc (mỗi hộc độ 60 lít) thóc thuế, 135-900 con vừa voi, vừa bò, vừa ngựa, 8.700 chiếc thuyền và 2.539.000 thứ quân-giới.

. · .

Hậu-lê (1428.1527). Sau 10 năm (1418) 1427) đánh Tầu, Lê thái-Tổ (1428-1433-

đem giang-sơn Việt-Nam về một mối. Việc cống-hiến gắt gao hơn trước. Cứ ba năm một lần, nước ta lại đem cống nhà Minh (1368-1628) hai người bằng vàng gọi là « Đại-thân Kim Nhân » vì lúc đánh trận Chi-Lăng quân ta giết mất 2 tướng Minh là Liễu-Thăng và Lương-Minh) cùng những phương-vật sau này : 1 lư hương bằng bạc, một đôi bình hoa bằng bạc, 300 tấm lụa, 14 đôi ngà voi, 12 bình huân y hương, 2 vạn nén hương vòng 24 cây hương trầm. (1)

Mạc.. (1527-1592).. Năm đinh-dậu (1537) khi được tin Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, Minh Thế-Tông Gia-tĩnh muốn thừa dịp thôn-tính Việt-nam liền sai đô đốc Cừu-Loan, tán lý quân vụ Mao bá-Ôn đem quân sang. Quân Tầu đến Quảng Tây, tháng chín năm canh tí (1540) Mạc đăng Dung cùng cháu là Mạc văn-Thịnh đảng-thuộc là Vũ như-Quế và 42 tướng

1) Sách « Lịch-triều hiến-chương » nói có một người vàng.

lĩnh qua Trấn Nam-Quản chân đi đất, cổ đeo gông đến phủ mạc-tướng Mao bá-Ôn cúi đầu tạ tội. Dâng hàng-biểu rồi, Mạc đăng-Dung còn đem sổ địa-bạ nộp quan Tầu và xin hiến đất Tê-Phù (thộc Thiếp-Lãng), Kim-lặc, Cổ-Lâm, Liễu-cát, La-Phù (thuộc Như-Tích) để Trung-Quốc xáp nhập vào Khâm-châu.

Chẳng bao lâu, Mạc đăng-Dung mất. Mạc-phúc Hải tập chức Đô Thống-sứ hàm quan nhị phẩm của Tầu. Hải sai Mạc. Kính-Điển đem phương-vật sang cống nhà Minh :

Một lư hương bằng vàng và 4 chiếc bình hoa nặng 1 nghìn 49 lạng, 1 lư hương bằng bạc, 2 chiếc bình hoa nặng 150 lạng, 12 cái mâm bằng bạc nặng 6 trăm 41 lạng, 1 con rùa bằng vàng nặng 90 lạng, 1 con hạc bằng bạc và 1 chiếc đài cũng bằng bạc nặng 51 lạng, 60 cân trầm hương 13 cân hồi hương, 30 bó giáng-chân-hương 20 cặp sừng tê-giác (1), 30 cặp ngà voi.

---

1) Xem trang sau.

Lê trung hưng (1532-1788)

Năm đinh dậu (1597) lúc Bình an Vương Trịnh Tùng khôi phục được Thăng-Long phái công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan và Thái thường tự khanh Nguyễn nhân Thiềm sang Yên-kinh xin Minh-Đế phong vương cho Lê Thế Tông (1573-1599 thì cống-phẩm lại nhiều gấp đôi những lần trước.

Sau đó ít lâu, Lê thế Tông (1573-1599) vin vào cớ đường xá xa xôi, hiềm trở xin Bắc Triều cho nước Việt nam sáu năm cống hiến một lần. Cống phẩm nhiều gấp đôi. Minh Thần Tông(1567 1567) ưng thuận. Năm đinh mùi (1667) Tuế cống-sứ Nguyễn Nhuần hết sức biện bác tâu xin vua Khang Hi (1662-1722) vui lòng bỏ bớt đi nhiều sự yêu-xách về việc cống-hiến. Nhưng, mấy năm sau vì tình hình chánh trị thay đổi, Bắc Triều lại buộc Nam Triều cứ 4 năm cống hiến một lần. Trong thời kỳ ấy cống phẩm ấn định như sau này :

600 cân trầm hương, 1200 cân phấn y hương, 4 ngà voi, 4 sừng tê giác, (1) 600 tấm lụa, 200 tấm vải chúc bâu v. v.

(1) Xem trong sau

.·.

Đời Tây Sơn (1788-1802) vua Quang-Trung không những đã thắng nước Tầu về mặt binh bị lại thắng cả về mặt ngoại - giao. Nhà vua phá bỏ được lệ cống người vàng - món nợ Liễu -

(1) Tê-giác : Theo cố Mariny sang truyền giáo ở nước ta về thế kỷ thứ XVII tác giả - cuốn Relation de Tonquin thì sừng tê giác bấy giờ rất được chuộng dùng. Sừng tê-giác dùng để giả độc nên những nhà có của hay tích trữ trong nhà nhất là tại những vùng dân gian thương có ác tục hại lẫn nhau. Cũng có người nói quả quyết rằng nếu dẫm phải gai, chỉ đem tán một ít sừng tê thành bột hòa với nước rồi dùng nước ấy rửa chỗ đau thì gai tự nhiên rời ra rất dễ dàng và chẳng đau đớn gì. Những quan lớn nước Tầu lúc thiết tiệc hạn thân hay rót rượu vào sừng tê giác để khỏi bị say vì sừng tê giác có tính cách giải độc. Muốn thử xem sừng tê có tốt hay không, người ta đem treo thanh kiếm bằng một sợi giây rồi cầm sừng tê để gần kiếm nếu tay chuyền sừng đi mà kiếm quay theo thì sừng tốt Nếu kiếm đứng im thì là sừng tê giả. Cũng có người bảo nếu trong sừng tê có vân vàng mọc tỏa ra đến khắp ngoài ria là sừng tốt. Nếu tê giác vừa có vân vừa làm quay được kiếm thì giá rất đắt, vì có những công dụng kể trên nên sừng tê-giác đã là một cống-phẩm.

Thăng từ đời Lê đè nặng trên lưng dân tộc Việt-nam trong bao nhiêu năm dòng dã.

∴

Vua Gia Long (1802-1820) nhất-thống Nam, Bắc lên ngôi hoàng-đế rồi, năm giáp-tí (1804) cũng sai chánh sứ Lê bá Phẩm đem cống phẩm sang Trung Quốc. Từ đó đến năm quý vị (1983) Nam Triều cứ 3 năm 1 lần sang cống hiến Tàu. Cống-phẩm gồm có : 200 lạng vàng, 100 lạng bạc, lụa và cấp mỗi thứ 100 cây, 2 bộ sừng tê giác ; ngà voi và quế mỗi thứ 100 cân. Cống phẩm chỉ phải giao cho quan tổng đốc Lưỡng Quảng đệ về Bắc kinh còn sứ Việt Nam. thì khi nào cần bàn bạc về những việc quân-quốc đại-sự mới sang kinh đô Tầu.

∴

Trước triều Nguyễn, lúc sứ-đoàn đến Bắc-kinh thì nhân-viên phòng thông ngôn chuyển ngay đến bộ Lễ bản thống-kê cống phẩm. Xem-xét cẩn-thận rồi, quan tham

tri bộ Lễ giao cống-phẩm cho liêu-thuộc rồi quan Lễ-bộ Thượng thư dâng biểu xin Hoàng-đế ủy quan coi kho thâu-nhận Kế đó, sứ-bộ lui về sứ-quán đợi ngày vào triều-kiến vua Trung-hoa. Việc xong sứ đoàn trở về nước thì Bắc-Triều cũng ban cho sứ thần đem về tặng Annam quốc vương ; nhân-sâm, gấm vóc cùng những sản vật quý của Trung-Quốc.

Lễ ban đồ tặng-hảo cử hành rất-long trọng. Về mé bên trái đường chính giữa đến Ngọ-môn trên một cái bàn giải vóc vàng đồ tặng hảo đã được trân trọng để lên. Nhân viên phòng thông ngôn mặc triều-phục giẫn chánh sứ Việt-Nam cũng mặc triều phục qua mé đông 3 cửa : Trường An, Thiên An, Đoan Môn, rồi đứng túc trực tại phía tây Đại nội Quan khâm-mạng cùng các thượng quan đứng tại góc bàn phía nam, ngoảnh mặt về phía tây. Nội thị đứng đối diện nhau ở ngoài sân, Lúc mọi người ai đứng theo địa-vị nấy, rồi nội-thị theo lời xướng của thuộc viên bộ Lễ, hướng giẫn sứ thần Việt-Nam vào phía tây sân rồng. Tới nơi, sứ-thần túc-trực tại đó, ngoảnh mặt về phía bắc,

rồi theo lời xướng, khấu đầu 3 lần, vái 9 vái. Quan Khâm-mạng trịnh-trọng nâng đồ tặng hảo trao cho các viên thông-ngôn chuyền giao cho viên chánh-sứ. Viên Chánh-sứ lúc đó qùy nhận rồi lần-lượt đưa cho các viên tùy-tòng. Những viên này kính-cẩn đón lấy và khấu 3 khấu, vái 9 vái. Lễ tất.

IV

Tước-phong

Tuy vẫn giữ được nền độc-lập, nhưng, từ đời Đinh (968-980) đến cuối đời Tự-Đức (1883) vị quốc-vương Annam nào đã chính thức nhận tước-phong và theo chính-sóc của Tầu thì đối với thần, dân vị đó mới đủ quyền-hành và uy-vũ. Vì thế, cứ mỗi lần một vị quốc-vương Annam lên ngôi thì quan Khâm-mạng Trung-Hoa lại sang tuyên phong. Sự nhận tước-phong ấy chỉ là một cách khôn-khéo cốt làm cho nước yên-trị. Vì, cứ bình-tĩnh mà xét thì suốt lịch sử Việt-Nam không có vị quốc-vương nào thật tâm thần-phục « Bắc-

Triều ». Tự biết là không đủ lực-lượng chống với Trung-Quốc to, lớn, giầu, mạnh vua Việt-Nam bề ngoài đành phải nhận tước-phong nhưng bề trong vẫn tìm hết cách chống lại.

Tuy ở các biểu dâng sang Trung-Quốc vua Việt-Nam phải đề tên thật và niên hiệu vua Trung-Hoa nhưng bao giờ cũng vẫn là một vị « Thiên-Tử » trong giang-sơn của mình. Một đôi khi vua, Việt-Nam từ chối hẳn việc Bắc-Triều bắt buộc sang triều-kiến và thường vin vào cớ đường giao-thông khó khăn, núi non, cách-trở hay ốm-yếu hoặc có đại-tang để thoái-thác.

KHÚC, NGÔ. — Vị quốc-trưởng Việt-Nam đầu tiên thụ tước-phong của Bắc-Triều là Khúc-thừa-Dụ quán tại Hồng-Châu (Bình-Giang và Ninh-Giang Hải-Dương). Khúc-thừa-Dụ được Đường-Chiêu-Tuyên phong làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ (năm Bính-Dần 906) để cai-trị Giao-Châu sau lại gia-phong làm Đồng-Bình chương-sự.

Kế họ Khúc (906 917) đến đời Ngô (939 965) nhưng lúc đó nước Tầu đang loạn-lạc nên chưa rảnh tâm nghĩ đến miền nam.

ĐINH. — Cuộc bang-giao giữa Bắc-Triều với Việt-Nam chính-thức khởi từ đời Đinh (968 980). Buổi ấy khi dẹp xong Thập Nhị sứ quân, Vạn-Thắng-Vương Đinh bộ Lĩnh lên ngôi vua đặt quốc-hiệu là Đại-cồ-Việt xưng là Đinh tiên Hoàng. Tổ chức xong việc triều chính Đinh tiên Hoàng sai con trưởng là Đinh-Liễn sang Tầu dâng nhà Tống (960 1278) lễ-vật. Năm Quý-Dậu (973) Tống-Thái-Tổ sai sứ sang phong Đinh tiên Hoàng làm Giao-Chỉ quận vương, Đinh-Liễn làm Kiểm-hiệu thái-sư tĩnh-hải quân tiết-độ sứ Annam đô hộ. Năm Bính-Tí (975) Liễn được gia phong Giao-Chỉ quận vương.

TIỀN-LÊ. — Lúc Lê-Đại-Hành (980 1005) nối ngôi nhà Đinh thì chỉ được vua Tống

Thái-Tông (76 9998) phong làm Tiết-độ sứ, năm Quý-Tị (993) được sách phong làm Giao Chỉ quận vương, năm Đinh-Dậu (997) gia-phong là Nam-Bình-Vương.

LÝ (1010 1225). — Năm Canh-Tuất (1010) niên hiệu Thuận-Thiên nguyên niên đời Lý-Thái-Tổ (1010 1028) Tống-Chân-Tông (998 1022) cũng phong Lý Thái-Tổ làm Giao Chỉ quận vương rồi vào khoảng niên-hiệu Thiên-Hy (1017 1021) lại gia-phong làm Nam-bình quận vương Lý-Thái-Tông (1028 1054), Lý-Thánh-Tông (1034 1072) đổi quốc hiệu là Đại-Việt đều thụ tước kể trên. Kế đến Lý-Nhân-Tông (1072 1127) thì năm Đinh-Mão (1087) được Tống Triều gia-phong làm Nam-bình-Vương.

Đời Lý-Anh Tông (1138 1175) vào khoảng năm Giáp-Thân (1164) vua Tống-Hiến-Tông (1163 1174) đổi Giao-Chỉ quận làm Annam quốc và phong Lý Anh-Tông làm Annam quốc vương. Thế là nước Nam trước kia Bắc Triều gọi là Giao chỉ quận, đời Đường (618-907) đặt là Annam đô-hộ phủ, nhà

Đinh 968-980 gọi là Đại cồ Việt, Lý Thánh Tông (1054-1072) đổi là Đại Việt nhưng Bắc Triều vẫn phong vua ta làm Giao chỉ Quận Vương. Đến đời Lý-Anh-Tông và từ bấy giờ trở đi mới đổi là Annam quốc-vương.

TRẦN (1225 - 1400), **HỒ** (1400 - 1407), **HẬU-LÊ** (1428-1527) — Suốt đời Trần từ Trần thái Tông (1225-1258) đến Trần thiếu Đế (1398-1400) đều được Bắc Triều phong làm Annam quốc-vương.

Năm canh-thìn Hồ quý-Ly cướp ngôi nhà Trần làm vua được non một năm rồi nhường ngôi cho con thứ là Hồ hán Thương. Hồ hán Thương sai sứ sang Tầu cầu phong. Minh Thành Tổ (1403-1424) tuy muốn thôn-tính Việt nam nhưng không có cớ gì chinh-đương bất đắc dĩ phải gia-phong Hồ hán Thương làm Annam quốc-vương. Từ đấy sau này Vua Tàu lại phong cho các vua đời Hậu Lê (1428-1527).

Mạc (1527-1592) Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê thì vua Minh Gia-Tĩnh xuống chiếu đổi Annam-quốc làm Annam đô thống sứ ti, phong Mạc Đăng-Dung chức Đô Thống Sứ, hàm quan nhị phẩm Minh Triều. Minh Gia Tĩnh (Thế Tông 1522-1567) lại đổi 13 trấn làm 13 Tuyên Phủ ti : Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc, Minh Thuận (Tuyên Quang) Hưng hóa, Sơn Tây, An Bang, Hải Dương, Trung đô phủ (Hà-nội) Sơn nam Thanh hóa, Nghệ An) Thuận hóa, Quảng nam.

Năm nhâm thìn (1592) Trịnh Tùng phục-hưng được nhà Lê thì con cháu nhà Mạc chạy sang Tầu kêu với Minh-đế rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi chứ không phải nhà Lê trung-hưng. Vua Thần Tông (1573-1620) sai Vương-kiên Lập sang cửa Nam-Quan khám-xét.

Tháng 3 năm bính thân (1596) Lê Thế Tông (1573-1599) sai bộ bộ thượng-thư Đỗ Uông và đô ngự sử Nguyễn văn Giai lên Nam-Quan tiếp đón sứ Tầu. Nhà vua lại ủy hai hoàng thân là Lê Cảnh, Lê Lựu cùng Công-bộ tả thị-lang Phùng

khắc-Khoan đem 10 kỳ-mục, 100 cân vàng, 100 cân bạc, quả ấn Annam đô thống sứ của nhà Mạc và ấn Annam quốc vương của triều Lê khi xưa lên Nam Quan để Vương kiên-Lập khám-xét. Tuy thế, quan Tầu vẫn đòi Lê Thế Tông thân đến hội-kiến ở Nam Quan. Trịnh Tùng sai Hoàng đình Ái, Nguyễn hữu Liêu, Bùi bỉnh Khiêm thống-lĩnh một vạn binh hộ-vệ Lê thế Tông sang phó-hội.

Nhà Minh yêu-xách nhiều điều và buộc Nam Triều cống người vàng như đời Lê Thái Tổ (1428-1433). Tháng tư năm sau (1597) sứ nhà Minh lại mời Lê Thế Tông lên Nam Quan. Nam triều sai thái-uý Hoàng đình Ái đem 5 vạn quân hộ giá. Xa giá về Thăng Long Bình-an Vương Trịnh Tùng phái Phùng khắc Khoan sung chức chánh sứ, Nguyễn nhân Thiềm làm phó sứ đem cống-phẩm sang Yên kinh cống-hiến và xin thụ phong. «Chuyến đi» ấy kết-quả không mỹ-mãn. Dù Phùng khắc Khoan hết sức biện-bạch nhưng Minh Thần-Tông cũng chỉ

phong cho Lê Thần Tông làm Annam đô thống sứ, hàm quan nhị phẩm Minh-triều.

* * *

Cách đó ít lâu, vua Minh khôi phục tước cũ cho họ Lê. Và, đời Lê Chân-Tông (1643-1649) Minh Quế - Vương thất-thế thiên đô đi Quảng Tây cũng sai sứ sang phong Chân Tông làm Annam quốc-vương. Năm quý mão (1663) nhà Minh mất ngôi. Nhà Thanh (1644-1911) dấy nghiệp ở nước Tầu. Tây Vương Trịnh Tạc (1657-1682) sai sứ đem cống-phẩm sang Bắc kinh cống Thanh-Triều.

Năm đinh mùi (1667) Thanh Thánh Tổ Khang-hi (1662 - 1722) phong Lê Huyền Tông (1663-1671) làm Annam quốc vương. Từ đó đến đời Lê Mẫn-Đế (1781-1788) các vị vua kế-vị Lê Huyền Tông đều được Bắc-Triều phong làm Annam quốc-vương.

* * *

Tây-sơn (1788-1802. — Đời vua Quang Trung (1788-1792, nhà Tây-Sơn nước Việt nam đã trở nên hùng-cường khiến vua quan nhà Thanh phải nhìn ngó bằng cặp mắt e dè, kiêng nể. Không những vua

Thanh-cao Tông, Càn-Long (1736-1795) phong vua Quang Trung làm An - nam quốc-vương mà thời-thường còn sai sứ sang Annam ban cho nhà vua khi thì nhân-sâm, khi thì ngọc quý, quà cáp hậu vô cùng. Vua Quang Trung xin tha thuế và mở đường thông-thương ở Bình Thủy và Du Thôn, xin quốc ấn, xin buôn-bán ở biên giới không phải nộp thuế, vua Càn-Long đều thuận cho. Vua « Tàu » còn khao-khát muốn thấy mặt viên tướng đánh bại 29 vạn quân Tôn sĩ Nghị Chẳng muốn làm mích lòng vua Tầu, vua Quang-Trung chọn một người giống mình tên là Phạm công-Trị sai các quan văn, võ Ngô văn Sở, Đặng văn Chân, Phan huy Ích, Võ danh Tiên Võ huy Tấn, Nguyễn tiến Lộc, Đỗ văn Công, Nguyễn văn Ích phù sang tận Bắc kinh. Ông « vua giả ấy » được vua Càn-Long đãi ngang hàng các vị « thân vương » và được làm lễ « ôm gối » Thanh-đế. Hân-hạnh hơn là mùa xuân năm tân hợi (1891) vua Quang-Trung còn nhận được chữ « phúc » do chính tay

của Ấn Châu một vài chiếc tầu biển nhưng đây chỉ là những tuần dương du hạm, dùng để đi kinh-lý từ tỉnh này sang tỉnh nọ chứ không thể đi xa. Bởi thế, các Tuế-Cống Sứ thường đi đường bộ qua các tỉnh miền nam Trung hoa rồi dùng thuyền lên miền bắc.

Từ thế-kỷ thứ XIII đến đầu thế-kỷ XV, sứ nhà Trần (122-1400) nhà Hậu-Lê (1428-1527) thường đi đường Quảng-Đông hay đường Mai-Lĩnh. Khởi-hành từ cửa Nam Quan sứ-bộ theo triền sông Minh, Tả-Hữu Tây qua tỉnh Quảng-Tây đến tỉnh lỵ Quảng-Châu (thuộc Quảng-Đông) đi thuyền sông Vũ-Thủy, sông Bắc đến huyện Nam-Hùng. Tại đây, Sứ-bộ theo đường bộ qua Mai-Lĩnh xuống thuyền sông Chương-Thủy, rồi sông Cống thuộc địa-phận tỉnh Giang-Tây. Qua Phan-dương-Hồ đáng lẽ theo dòng sông Dương-Tử sứ-bộ lại noi sông Tiền-Đường, Vận-Hà, Bạch-Hà đến Bắc-Kinh, sau khi vượt qua mấy tỉnh Triết-

Giang, Giang-Tô, Sơn-Đông, Trực-Lệ.

Trước năm Canh-Thân (1680) sứ nhà Lê cũng khởi hành tự cửa Nam-Quan tới Mũu mai-Lĩnh rồi rẽ về phía bên trái đến Quế Dương để qua sông Lai, sông Tương, hồ Động-Đình, đến sông Dương-Tử. Vượt qua mấy tỉnh Hồ-Nam, Hồ-Bắc, An-Huy, Giang Tô, sứ-bộ nghỉ-ngơi tại Nam-Kinh. Đoạn dùng đường thủy theo vận-hà đến Tế-Ninh thủ-đô tỉnh Sơn-Đông lên Bắc-Kinh.

∴

Từ năm Canh-Thân trở về sau dưới triều Thanh, sứ nhà Lê-Trung-Hưng (1532-1788) thường noi đường Quảng-Tây sang Tầu. Rời trấn Nam-Quan sứ-đoàn cũng theo đường của những đoàn sứ-bộ trước đến Ngô-Châu — một thị-trấn sầm uất ở địa-đầu hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây và rẽ sang bên trái theo triền sông Quế, sông Tương, qua Động-đình-hồ theo đường thủy sông Dương-Tử đến Bắc-Kinh.

Sứ Tây-Sơn (1788-1802) thì có khi dùng đường bộ, (1788) có khi dùng đường thủy (1790) Qua cửa Nam-Quan đến Bằng-Tường sứ-bộ theo triền sông Minh, sông Tả, đoạn theo đường bộ qua các tỉnh Quảng-Tây, Hồ-Nam, Hồ-Bắc, Hà-Nam, Trực-Lệ đến Bắc-Kinh.

Đường thủy thì khác hẳn. Sứ-bộ cũng đến Mai-Lĩnh nhưng từ đó trở đi khi theo giọc sông Tương và sông Chương-Thủy thời lại theo dòng sông Dương-Tử đến Vũ Xương rồi theo đương Hà-Nam, Trực-Lê đến Bắc-Kinh.

* * *

Đến sứ nhà Nguyễn thì thường dùng đường biển và ngoài đường biển ra, còn noi theo hành-trình của sứ-thần nhà Lê vào hồi năm canh-thân (1680) nhưng đáng lẽ theo dòng sông Dương-Tử và Vận-Hà thì lúc tới Vũ-Xương sứ-bộ lại do đường bộ lên Bắc-Kinh.

Vị chánh-sứ nào cũng vậy, khi tới Bắc-Kinh đều dâng quốc-thư vào bộ Lễ Nhân dịp gian giữa bộ này đã kê sẵn một cái bàn to trần-thiết trang-trọng. Nhân-viên phòng thông-ngôn (mặc lễ-phục) chuyên việc hướng-dẫn viên chánh-sứ và sứ-đoàn (lúc đó cũng mặc lễ-phục theo phẩm, tước ở nước Nam). Sứ-đoàn tiến vào dinh thượng-thư do cửa mé trái và đứng túc-trực tại bệ bên trái. Một viên tham-tri bộ Lễ tiến đến phía trái bàn. Hai viên quan coi về việc nghi lễ cũng đứng gần đấy. Nhân-viên phòng thông-ngôn tiến lên đứng về phía tây. Sửa soạn xong, quan chức Trung-hoa ra lệnh cho viên chánh-sứ tiến vào, quỳ ở « bệ » kính-cẩn dâng uỷ-nhiệm-trạng lên cao quá đầu. Nhân-viên phòng thông-ngôn đón lấy dâng quan lễ-bộ thượng-thư. Quan thượng-thư trịnh-trọng đặt quốc-thư lên giữa bàn và quay về chỗ cũ. Viên chánh-sứ, cùng nhân-viên sứ-đoàn lần lượt khấu 3 khấu, vái 9 vái rồi lui ra theo sự hướng-dẫn của phòng thông-ngôn. Bộ Lễ thu lấy quốc-thư

đoạn đệ lên Hội-đồng cơ-mật.

. • .

Khi có cuộc triều-kiến hoặc vào ngày lễ vạn-thọ, thì quan giám-đốc phòng thông-ngôn hướng-dẫn viên chánh-sứ Việt-Nam vào túc-trực trong đại-nội phía trước Nam-môn. Bách quan Trung-Hoa làm lễ triều-kiến rồi sứ-thần Việt-Nam mới được phép vào bệ-kiến vua Trung hoa và được đối-đãi như một vị quan nhỏ. Theo lời xướng của nội-tán sứ-đoàn tiến đến ngai vàng, khấu 3 khấu, vái 9 vái. Lễ bái-khánh cử-hành xong quan Lễ bộ thượng-thư ra lệnh cho sứ-đoàn lui ra đại-nội để «Hoàng đế» ban thưởng. Nhận đồ thưởng, rồi sứ-bộ về sứ-quán. Hôm sau, ngay từ lúc sáng sớm, viên chánh-sứ Việt-Nam sẽ vào cung lạy tạ vua Tầu. Sứ tiến vào phía tả điện, ngoảnh mặt về hướng bắc rồi theo lời xướng sẽ khấu 3 khấu, vái 9 vái theo như nghi-lễ đã định.

Sứ đoàn Việt - Nam rời Nam quan thì Bắc - triều đã phái đoàn Trường - tống quan đi theo để tiếp-đãi và hộ-vệ. Rồi cứ đến địa-đầu một tỉnh nào quan tỉnh trưởng tỉnh ấy lại phái đoàn đoản tống quan bảo-vệ sứ-bộ hết địa-hạt mình. Lúc sứ-bộ trở về nước cách tiễn đưa cũng như vậy. Đi hoặc về qua một tỉnh ly nào sứ - đoàn đều vào yết kiến quan tỉnh trưởng để trình quốc - thư, cống-phẩm và giấy thông - hành. Nếu trong giấy tờ không có điều gì man-trá hoặc ẩn - lậu sứ - bộ sẽ tiếp-tục cuộc hành trình. Ở giọc đường hay ở Bắc-kinh vị chánh - sứ hay tùng-viên sứ - đoàn muốn mua một thứ hàng - hóa gì đều bỏ tiền túi ra mua và chịu tiền đài - tải Những viên bảo tiêu sẽ do các quan tỉnh trưởng chính - thức cử theo sứ-bộ để ngăn ngừa sự cướp bóc. Bắc - triều đã xuống chiếu cấm ngặt những quan-chức trọng nhậm ở những địa-hạt sứ-bộ đi qua không được nhận « quà » sứ-đoàn tặng. Tùng-viên sứ - đoàn không được phép buôn bán, mua sách sử-ký, mua

IV

Hành-trình II

Đoạn trên, chúng tôi đã thuật sơ-lược hành-trình của sứ-bộ, muốn độc-giả có một ý-niệm rõ-ràng hơn về « sứ-trình » chúng tôi xin tóm thuật dưới đây « chuyến đi sứ năm Ất - sửu 1765 (1) mà

(1) Tài - liệu sưu-tầm ở bài Relation d'une Ambassade Annamite en Chine au XVIII siècle của Trần-văn-Giáp (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises de Saigon Tome XVI, No 3, 3 trimestre 1941.

quan chánh - sứ là Nguyễn-huy-Oánh (1).

Sứ-bộ này rời kinh-thành Thăng-Long ngày mồng chín tháng mạnh - xuân năm bính-dần (1766) đến Bắc - kinh ngày 20 tháng quý-đông cùng năm, đi mất 11 tháng 21 ngày và vượt qua 16.000 dặm gần một vạn cây số.

. * .

Ngay từ ngày 13 tháng quý - đông năm Cảnh-Hưng thứ 25 (Giáp - tí 1764 Nguyễn huy - Oánh đã được nhà vua cử làm

---

(1) Nguyễn huy - Oánh hiệu là Thư - hiên người làng Trường-lưu tổng Lai-Thạch, huyện La-Sơn (bây giờ thuộc huyện Can - Lộc tỉnh Hà-Tĩnh) sinh năm quý-dậu 1713 đỗ Thám hoa năm 36 tuổi (mậu thìn 1748) đã từng giữ chức Công-bộ rồi Hộ-bộ Thượng thư triều Lê-Hiển-Tông (1740-1786) thọ 77 tuổi. Tiên-sinh là thân phụ Nguyễn huy Tự — tác-giả quyển Hoa-Tiên — và là thông-gia với tiến-sĩ Nguyễn-Khản — anh ruột nhà văn-hào Nguyễn-Du tác-giả cuốn Kim-Vân-Kiều.

chánh-sứ đem cống-phẩm cống-hiến « Thiên-Triều » nhưng, đến năm sau, ất-sửu 1765, vào hồi tháng Qúy-xuân Nam-Triều mới chính-thức biên thư báo cho viên Tả-Giang-Quan ở biên-thùy biết là đến mùa thu sứ-bộ sẽ lên đường. Vị quan này tức thời đệ thư lên « Hoàng Đế-Trung-Hoa ». Chờ đợi mấy tháng, ngày mồng một tháng quý-đông cùng năm (1765) viên Lưỡng-Quảng tổng-đốc chuyển sang Nam-Triều quốc-thư của Bắc-Triều. Thư đó định đến ngày 29 tháng mạnh xuân năm bính-dần (1766) cửa ải Nam-Quan sẽ mở để đón tiếp sứ-đoàn.

* * *

Ngày mồng 8 tháng mạnh-xuân năm Cảnh-Hưng thứ 27 (1766 bính dần) nhà vua tiếp chánh-sứ Nguyễn-huy-Oánh trong điện để dặn bảo công việc Sứ-bộ và nhân thể chúc sứ thượng lộ bình an.

Hôm sau (mồng 9) trăm quan trong Triều thết tiệc tùng-viên sứ-đoàn. Ngày hôm ấy khi tòa Khâm-Thiên giám chọn được

Trường-tổng - quan chuyên - chở về Bắc Kinh. Khi tới địa phận Trung-Quốc từ cửa ải Nam-Quan trở đi, sứ-bộ đều được những đoàn trường - tổng - quan, đoàn tổng-quan đi theo hộ vệ và tiếp đãi cực chu đáo như đã nói ở đoạn trên.

Cùng ngày hôm đó sứ-đoàn lên-đường đi Ninh-Minh đến đây dùng thuyền rồi ngày mồng một tháng trọng-xuân thẳng lên miền đông bắc, chín hôm sau đến phủ-lỵ Thái-Bình. Sứ bộ nghỉ ngơi yết kiến quan địa-phương rồi đáp thuyền theo dòng sông Minh đi Tân - Ninh.

Ngày 16 tháng trọng xuân sứ-đoàn đến Nam-Ninh một đô thị quan trọng ở miền nam Trung-Hoa. Dời nơi ấy, sứ-bộ theo Hữu-Giang tiếp-tục hành-trình và ngày mồng 3 tháng quý xuân đến Hoành-châu. Tại đấy chánh-sứ Nguyễn Huy-Oánh yêu-cầu quan Tả Giang An biên quân - vụ chuyển những công văn, những thư từ riêng của sứ đoàn cho nhà chức - trách

nhờ gửi sang Nam-Triều. Sứ-bộ lưu tại Hoành châu chiêm-yết văn-miếu thờ đức Khổng-Tử rồi ngày mồng sáu tháng Quý-Xuân biệt Hoành-Châu-châu dùng thuyền vượt qua 5 cái thác nguy-hiểm ở Trung-Quốc đến Tầm-Châu. Đó là một thành phố đẹp đẽ nhiều phong-cảnh kỳ tú. Nền thương-mại cũng thịnh-vượng nên có cả một phân-cục của sở « Thương-Chánh ».

Biệt Tầm-Châu các nhà ngoại-giao Việt Nam theo dòng Tây-Giang qua Bình-Nam đến Thương-Ngô là sinh quán quan cố thứ sử Sĩ-Nhiếp. Tại đấy, đáng lẽ theo dòng sông Tây-Giang đến Triệu-Khánh phủ (1) như đường Sứ-bộ năm canh-thân (1680) đã đi thì sứ-đoàn lại quay về phía bên trái vào sông Quế.

---

(1) Theo hai nhà truyền-giáo Hieronymo de Burgo và Martin Ignace de Loyala đã đến thăm Triệu-khánh phủ vào hồi cuối thế-kỷ thứ XVI thì thành-phố này rất đẹp. Trong thành có rất nhiều cánh đồng cỏ xanh, những cây có quả, vườn, ao thả cá và những nơi giải-trí. Thành-phố có tường giấy mà chắc chắn bao bọc chung-quanh. Phố xá đẹp có tiếng, rộng, dài và rất thẳng đứng ở

Triệu Vũ-Vương vì thế, đã đem binh đánh quận Tràng sa và vết tích cuộc chiến thắng ấy đến nay vẫn còn ghi lại.

. * .

Ngày mùng 10 tháng mạnh-thu từ giã Tuyền-châu sứ-bộ qua hồ Động-Đình. Mặt hồ rộng bao-la, phong cảnh kỳ tú. Từ phía xa xa sứ-đoàn đã thấy lầu Nhạc Dương là một công-trình kiến-trúc kiệt tác về đời Tống (960-1278). Phiếm-du hồ Động-Đình mấy hôm để tận hưởng những cảnh trí đẹp đẽ của trời, mây, trăng nước ngày 26 tháng mạnh-thu thuyền trở sứ bộ noi giòng Tương-Giang (chẩy quanh co suốt miền đồi núi) đến Vũ xương thủ đô tỉnh Hồ-Bắc. Bên trong cửa Hán Dương về phía tây nam thành phố có lầu Hoàng hạc (1) là nơi danh-lam nổi tiếng vào bậc nhất nước Tầu.

---

(1) Tục truyền thủa xưa Phi văn-Vi khi thành tiên hay cưỡi hạc vàng, đến lầu Hoàng Hạc nghỉ ngơi cho nên những tao-nhân, mặc khách, đăng lãm thường phát sinh ra những mối vô hạn cảm

Lưu tại Hoàng-hạc lâu thưởng ngoạn phong-cảnh và ngâm vịnh mấy hôm, ngày mồng 4 tháng trọng-thu từ Hán Dương sứ đoàn, dùng thuyền lên mạn Dương-châu theo triền sông Dương-Tử, qua 2 tỉnh Giang Tây, Giang-Nam. Phía bắc Hán-Dương là đô-thị Hán-Khẩu một nơi buôn bán sầm-uất của Trung-Quốc. Ở đấy có những vết tích cung điện vua Vũ và đến Nam-Kinh sứ-đoàn cũng dừng lại chiêm-yết lăng-tẩm vua Minh.

---

tình phần thuộc lịch sử của cổ nhân, phần thuộc hành-vi trong thân thế. Nhất là những vị sứ-giả ngồi nhấp rượu trên lầu cao, nghĩ đến bang quốc gia-hương, thường không tránh được những giây điện vô hình cảm xúc đến ngòi bút. Vì thế nên Hoàng hạc-lâu đã tạo cho thi-sĩ, văn nhân biết bao nhiêu là thi tứ nhưng đặc-sắc nhất là bài của Thôi-Hiệu đời Đường (618-970) :

Ngày 29 tháng mạnh-đông sứ-đoàn sang thuyền khác đi suốt Vận-Hà, đến Tế-Ninh tỉnh Sơn-Đông. Tại đó, quan địa-phương đón tiếp sứ-đoàn rất long-trọng và thu xếp sẵn 22 cỗ xe, 10 con ngựa. 50 khổ-lực (cu-li) để Sứ-bộ dùng.

Tích nhân dĩ thừa hoàng-hạc khứ.
Thử địa không dư Hoàng hạc lâu.
Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị.
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Bài này đã khiến ông « thánh thơ » Lý-Thái-Bạch vô cùng thán-phục. Muốn đề thơ ở lầu Hoàng-Hạc nhưng, phục thơ Thôi Hiệu, Lý nhắc nhặn viết 2 câu « Trước mắt có cảnh không nói được vì thơ Thôi-Hiệu ở trên đầu » Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu, đã dịch nôm bài thơ ấy :

Mồng 2 tháng quý-đông sứ - đoàn đến Khúc-Phụ quê hương Khổng-Phu-Tử và không quên vào chiêm-yết miếu ông tổ đạo Nho. Sứ-đoàn qua 14 đoạn đường nữa đến Lư - câu - kiều xây từ đời Minh đầu thế kỷ XVII. Ngày 20 tháng quý đông Sứ-bộ đến Bắc-Kinh. Cách kinh thành 30 dặm quan chức Trung-Hoa do Bắc Triều ủy ra đón tiếp đã sẵn sàng đợi sứ-bộ. Sau lễ tiếp-kiến sứ-đoàn được mời về sứ-quán ở cùng một nơi với Sứ-thần Cao Ly lúc ấy cũng đem cống-phẩm sang Bắc-Triều.

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà đây, Hoàng-Hạc riêng lầu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-Dương sông tạnh, cây bày,
Bãi xa Anh-Vũ xanh dày cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng-hôn,
Trên sông, khói sóng cho buồn lòng ai.

Dâng quốc-thư, cống phẩm và dự vào lễ triều-kiến, là nhiệm-vụ sứ-bộ thực-hành xong. Chánh-Sứ Nguyễn-huy-Oánh và các tùng-viên sau khi nhận đồ tặng hảo của Bắc-Triều sẽ sửa soạn ngày về nước. Chừng độ ngót một năm thì về đến Thăng-Long (Hà-nội)

VII

Đường sang Việt-Nam.
Công quán.

Đến đây chúng ta hãy xét qua hành trình sứ Trung-Quốc sang nước Việt-Nam. Thường thường sứ Tầu hay qua cửa Nam Quan rồi theo đường Lạng-Sơn đến kinh-đô Thăng - Long (Hà - nội) nhưng, chính ra Trung-Quốc có thể giao-thông với nước Việt-Nam bằng ba đường : Vân-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây. Đời Hậu-Hán (25-220) tướng Mã-Viện dùng đầu-tiên đường thủy từ Quảng-Đông sang Giao-Chỉ đánh Trưng-Chắc, Trưng-Nhị. Đời

Tống (960-1628) dùng đường bộ Quảng-Tây và đời Nguyên (1280-1341) đời Minh (1368-1628) đường Vân-Nam.

Từ Quảng - Tây sang nước Nam có ba đường :

1) Khởi-hành từ Bằng-Tường châu, sứ đoàn hoặc rẽ xuống phía Nam đi giòng giã một ngày đến thị-trấn Pha-Lũy (thuộc châu Văn-Uyên) hoặc rẽ về phía bắc qua Thoát-Lãng đến Lạng-Sơn phủ. Tại đó sứ-đoàn ngược về miền bắc Ôn-châu đến Qủy-môn-quan rồi Tân-Lệ-Thôn (nam Ôn châu) qua Nhị thập Giang đến huyện Bảo-Lộc: Từ Bảo-Lộc sứ đoàn đi Thọ xương (nửa ngày) rồi Nam-điếu kiều thuộc huyện An Việt (một ngày). Đến đây sứ đoàn noi đại-lộ về Thăng Long.

2) Theo đường thứ hai sứ-đoàn từ phủ Tư Minh qua núi Ma Thiên Lĩnh đến châu Tư-Lăng Rời Tư Lăng qua Biện Cương ải đến Lộc Bình 1 ngày và đi về phía Lạng Sơn. Sứ đoàn

qua sông Thiên-Lý đến An-Bác châu (1 ngày rưỡi), núi Hao quân động (1 ngày rưỡi). Từ Hao quân động sư-đoàn đi Phong Nhãn (1 ngày). Tại đây có 2 đường, đường thứ nhất đi Bảo Lộc, qua sông Thọ xương (sông Thương) ; đường thứ nhì tới Lạng-sơn phủ rồi tới Nam điếu-Kiều huyện An-Việt.

3) Theo đường thứ hai từ Long-Châu sư-đoàn đi Bình Nhĩ ải, từ Bình Nhĩ đi một ngày đến Thất Tuyền rồi đến Bình gia (2 ngày) thuộc huyện Văn-Lan. Ở đây có hai đường khác nhau. Đường thứ nhất từ Văn-Lan qua miền núi phía Bắc Hữu-Lũng đến Quỷ môn Quan. Qua 40 dặm đường bằng phẳng sư-đoàn vượt sông Thọ-xương (miền nam Hữu Lũng) rồi men bờ phía nam sông ấy đến huyện An-Dũng (1 ngày) Từ An-Dũng trở đi đường lại bằng phẳng ; sư-đoàn qua An Động đến Nam-điếu kiều. Theo đường thứ nhì từ Văn-Lan sư đoàn đến Bình nhĩ ải qua châu Vũ-ngạn (đường núi) đi hai ngày đến huyện Tư-Nông. Biệt nơi này sư-đoàn đi một ngày rưỡi nữa đến

Bắc-điều kiều huyện An-Việt. Từ An, Việt sứ-bộ đến phủ Từ Sơn (1 ngày) qua Đông-Ngạn, Gia-Lâm, sông Nhị-hà vào kinh-đô Thăng-Long (Hà nội).

. · .

Từ Vân Nam sang nước ta có hai đường :

1) Rời Mông-Tự và Liên-Hoa (?) sứ đoàn qua Thạch long quan xuống Trình lan động, lênh đênh 4 ngày trên sông Đào (?) đến Thủy-vỹ đi 8 ngày nữa đến châu Văn-bàn. Từ đấy sứ đoàn thẳng đường đi Trấn An, Hạ hòa (năm ngày), Thanh ba huyện, từ Thanh ba sứ đoàn đi Lâm Thao xuống Sơn-vi huyện tới Hưng-hóa. Từ Hưng hóa sứ bộ tới Bạch hạc rồi noi giòng sông Hồng hà về kinh-đô.

2) Theo đường thứ hai rời Hà-Dương sứ bộ noi triền sông Thao (?) đến Bình nguyên đi Phù An (5 ngày, từ Phù-an đến Tuyên-giang phủ hay Tuyên-hóa đến Đoan hùng (2 ngày) ; Từ Đoan hùng đến Tam kỳ giang (Bạch hạc) 5 ngày.

Đi đường thủy từ Quảng-Đông sang Annam, thì sứ-đoàn rời Bạch-long vỹ thuộc huyện Vĩnh-An qua Ngọc sơn môn Miếu sơn, Hải-đông phủ đến châu Vạn Ninh rồi Kinh Thục xã địa giới nước Việt Nam. Sứ-đoàn có thể noi bốn cửa biển : Bạch Đằng, An-Dương, Đồ Sơn, Tố-ngư theo dòng sông Thái-bình hoặc Nhĩ-Hà lên kinh-đô Thăng long.

Vào cửa Bạch đằng, sứ-đoàn dùng thuyền qua hai huyện Thủy đường, Đông Triều phủ Hải-Dương hoặc huyện Chí Linh theo giòng sông Hoàng-Kinh hay bắc Bình-than.

Tại An Dương, trước hết sứ đoàn đến huyện An Dương, qua phủ Kinh môn theo triền sông Hoàng kinh đi về phía Nam Sách và Thượng Hồng.

Từ cửa biển Đồ-Sơn sứ-đoàn đến Cổ-Trai qua Nghi-Dương đi về phía bắc An-Lão đến huyện Bình-Hà rồi sang Nam sách và Thượng Hồng.

Từ Tố Ngư, Thái bình sứ-đoàn qua

An-Lão thuộc phủ Kiến Thoại (Hải Dương) đến Tân-Minh, Tứ kỳ, theo triền sông Hồng vào Hàm Tử do đường bộ lên Thăng-Long.

∴

Nếu các Tuế-cống-Sứ Việt-Nam sang Trung-quốc từ cửa ải Nam-Quan đến Bắc-Kinh đều được những đoàn Trường Tống Quan, Đoản Tống quan theo bộ-vệ và tiếp-đãi tử tế thì các quan khâm mạng Tàu sang nước Việt-Nam cũng được Nam-Triều tiễn tống long trọng như thế và hơn thế.

∴

Ngay từ đời Lý Thái-Tông (1028-1054) vào khoảng năm tân-tị (1041) nhà vua đã sai đình-thần xây công-quán ở làng Cự Linh thuộc phủ Gia-Lâm tỉnh Bắc-Ninh xứ Bắc-kỳ, gọi là Trạm hay Đình Hoài Viễn để quý-khách phương xa nghỉ-ngơi trước khi vào kinh đô Thăng Long bệ-kiến. Cùng năm ấy nhà vua còn

sai lập 7 trạm là : Tuyên Hóa, Vĩnh-Thông Thanh Bình, Quy đức, Bảo Vinh, Canh hóa An dân đều thuộc địa hạt trấn Thái-nguyên để đón tiếp sứ Tầu.

.·.

Quan khâm-mạng Tầu đến Nam-Quan đã có các hậu-mệnh-sứ Nam-Triều cử ra nghênh-tiếp và khoản đãi. Rồi, suốt giọc đường sứ-bộ đi qua từ Nam Quan đến kinh-đô Thăng-Long ở địa-đầu những phủ, huyện tổng làng v. v. chỗ nào cũng có quan-chức địa-phương nghênh tiếp; những bức hoành viết chữ «Cung Nghênh» rải rác khắp mọi nơi. Sứ bộ qua các tỉnh lỵ thì các quan tỉnh-trưởng đều thiết tiệc rất long trọng. Từ Nam Quan đến Thăng Long, Nam Triều lập 8 công quán: Đồng đăng, Lượng mai, Lượng Nhân, Bắc Hòa, Bắc cần, Bắc mỹ, Bắc Kiêm, Gia-Thụy và những quán dịch : Pha Lũy, Mai-Phả, Nhân lý, Chi Lăng, Lữ khối, Thị kiều, Thọ-Xương, Cần doanh Tiên Lệ v. v. để sứ-đoàn nghỉ đêm hay dừng lại nghỉ-ngơi trong chốc lát.

Công-quán Đồng-Đăng là một khu nhà

hình vuông hai bên phải trái có 4 tòa nhà mỗi nhà 5 gian 2 mái lợp ngói. Bảy công quán khác thì ở phía trước có một tòa nhà chính là nơi viên chánh-sứ nghỉ ngơi. Nhà đó 5 gian, 2 chái, phía nam có một tòa nhà nữa gồm 7 gian, 2 chái tất cả họp lại thành 1 khu. Thêm vào đó còn 1 khu nhà phụ 18 gian, 1 nếp nhà bếp 5 gian 2 chái. Hai tòa nhà nữa mỗi tòa 5 gian 2 trái là nơi các hướng-đạo ủy viên trú ngụ. Những nhà này cũng họp thành 1 khu có thêm một chuồng ngựa, 1 nhà bếp 2 gian, 2 chái và 1 tòa nhà tám gian để tùng-viên sứ-đoàn như lính-tráng và phu khiêng kiệu ở. Một khu nhà khác-nơi các hậu-mạng sứ ở cũng cất lên gần đấy. Khu này có hai tòa nhà, một tòa 1 gian 2 chái, một tòa 3 gian 2 chái và 1 ngôi nhà phụ 6 gian. Tất cả những nhà trong khu công-quán đều trang-hoàng đẹp-đẽ cờ cắm la-liệt khắp nơi. Những câu đối khảm, những bức hoành phi treo rải-rác tại nơi quan khâm-mạng nghỉ-ngơi.

Tại mỗi quán-dịch đều có một khu nhà hình vuông trang hoàng lịch-sự để quan khâm-mạng dừng chân nghỉ. Ngoài ra còn một khu khác 5 gian, 2 chái là nơi để sắc phong và cũng là nơi các hậu-mạng-sứ tiếp đón sứ-đoàn Gian giữa để hương án. Một tòa nhà nữa 5 gian 2 chái dành riêng cho những tùng-viên.

Công-quán Lạng-sơn (1) có 4 quán mỗi quán chia làm 2 khu cộng 12 tòa nhà liền nhau, mỗi tòa nhà 5 gian 2 chái. Công-quán Kinh-Bắc cũng có 4 quán mỗi quán 4 gian nhà cỏ, lợp danh, công-quán Thọ-Xương, Thọ-kiều có 2 gian nhà gỗ.

.·.

Đồ-đạc trong 4 trạm Pha-Luỹ, Mai-Pha Nhân Lý, Chi Lăng thường gồm có :

---

(1) Theo « Lịch Triều Hiến-chương loại-chí » (mục Bang giao chí) của Phan huy Chú sách viết của thư-viện trường Viễn-Đông Bác-cổ số. A 50 trang 179 (khoản tiếp chỉ nghi).

12 cái giường, 4 cái ghế ngồi, 4 cái bàn nhỏ, 40 cái chổi bằng tre, 20 cái mâm to, 20 khay chè, 40 cái nồi to, 40 cái nồi nhỏ, 200 bát to, 200 bát nhỏ, 200 thìa, 200 chén uống nước chè, 200 chén nống rượu, 40 cặp chiếu, 16 cái chậu, 40 cái dĩa đèn, 40 cái chén đựng dầu thắp đèn 20 cân nến, 400 đôi đũa ; còn nước, dầu đèn v. v. bao giờ quan-chức địa-phương cũng cung-cấp đầy-đủ.

.·.

Tại những trạm Lã-khối, Thị-Kiều, Thọ xương, Cần-doanh, Tiên-Lệ đồ đạc cũng đại khái như trên nhưng đồ dùng của những viên chánh phó sứ thì sang trọng hơn.

Từ Nam-Quan đến Gia-Thụy có tất cả gần 30 trạm và công-quán còn từ Hà-hồi vào Huế thì sứ Tàu lần-lượt qua 36 quán dịch : Hà Trung, Hà mai, Hà-hồi, Hà Khoái, (thuộc địa phận Hà-nội) Hà kiều, Hà Phú (trước thuộc Hà-nội nay thuộc Hà-nam), Ninh-Đa, Ninh Du, Thanh hoa, Thanh Sơn, Thanh Thái, Thanh xá. Thanh khoa (nay là Thanh hóa), An

Quỳnh, An-luỹ, An-hương, An-kim, An-Quyết (Nghệ-An), Tĩnh-Liêu, Tĩnh-Đan, Tĩnh-Khê, Tĩnh-Lạc, Tĩnh-xá, Tĩnh-Thần (Hà-tĩnh), Quảng-An, Quảng-Khê, Quảng-Cao, Quảng-Ninh, Quảng-xá, Quảng-lộc (Quảng-Bình), Trị-lập, Trị-lạc, Trị xá (Quảng-Trị) Thừa-mỹ, Thừa-An (Thừa-Thiên).

VIII

Nghi-lễ tiếp rước sứ Tầu và lễ tuyên-phong

Trong cuộc bang-giao, lễ tuyên-phong quan-hệ nhất. Vì có nhận sắc phong thì một « Tiểu Quốc » mới chính-thức thần-phục một « Đại bang ». Cho nên, lễ tuyên-phong bất cứ ở triều-đại nào cũng cử-hành rất long-trọng.

Bắc-Triều phái một viên chánh-sứ và một viên phó sứ sang Annam. Sứ bộ gần tới miền biên-thùy thì Annam quốc-vương đã sai các quan-chức cao-cấp

sung chức Hậu-mạng Sứ đến đó nghênh-tiếp. Hậu-mạng-Sứ khấu 3 khấu, lạy 9 lạy trước Long-Đình đựng sắc tuyên-phong rồi vái chánh phó-sứ Trung hoa 1 khấu ba lạy (1).

Sứ-đoàn đến kinh-kỳ thì Long-Đình và đồ tặng-hảo của Bắc-triều ban cho Nam-Triều điều để trong Sứ-Quán — nơi nhà vua dành riêng cho sứ đoàn. Đến ngày làm lễ tuyên-phong Annam quốc-vương, Thái-Tử và trăm quan đều đến sứ quán. Khi quốc-vương Annam về cung thì Long-Đình, sắc phong cùng đồ tặng-hảo điều để lên xe. chế theo một kiểu riêng để vào hoàng-cung. Binh lính mặc chế-phục riêng cùng những phường bát-âm theo sau sứ-đoàn. Hai vị chánh, phó sứ tiến vào cửa chính trong điện, đến trước 1 bàn to (phủ vóc vàng) 2 bên kê sẵn 2 bàn nhỏ (cũng phủ vóc vàng) thì đứng lại.

(1 Theo cuốn Histoire des Relations de la Chine avec l'Annam du XVI au XIX siècle (G Devéria, trang 55-76

Chính ở trên 3 bàn đó chánh-sứ Tầu trân-trọng đặt sắc tuyên-phong và các đồ tặng hảo Bắc-Triều ban cho Nam Triều. Annam quốc-vương cùng bách-quan nhất loạt quỳ xuống. Sứ Tầu mở sắc tuyên đọc. Đọc xong nhà vua khấu 3 khấu, vái 9 vái, nhận sắc phong. Lễ tất.

Nếu chẳng may Annam quốc-vương thăng-hà thì quan khâm-mạng trước khi làm lễ tấn phong tân-quân phải cử hành lễ « điếu » và phân ưu cùng hoàng-gia tại Thái-miếu. Bài vị đức tiên-đế sẽ đặt ở phía đông thái-miếu quay mặt về phía tây. Điếu-văn để tại chính giữa Thái-miếu, 2 vị chánh, phó-sứ đứng hai bên. Những đồ phúng viếng bằng bạc hay bằng lụa của Bắc-triều đều để trên 1 cái bàn trước bài vị tiên-đế. Thái-tử và trăm quan tiến vào khấu 3 khấu, lạy 2 lạy rồi đứng túc-trực tại phía bên trái Thái-miếu. Tất cả kính cẩn quỳ xuống lúc Bắc-sứ đọc điếu-

văn. Đọc xong, điếu-văn sẽ đem ra đốt ở một nơi định trước. Thái-tử và trăm quan lại khấu 3 khấu. lạy 9 lạy rồi tiễn quan Khâm-mạng về sứ-quán. Hôm sau, lễ tấn phong cử hành. Thực hành xong sứ-vụ quan Khâm-mạng lưu tại công quán mấy hôm rồi lên đường về nước.

Cố Giovanni Filippo de Marini (1) sang truyền giáo ở nước ta về thế-kỷ thứ XVII đã mục-kích một cuộc tiếp rước sứ Tầu về đời Hậu Lê. Cố thuật cuộc tiếp rước ấy như sau này :

(1) Theo sách Relation du Royaume du Tonquin của Marini (trang 117, 118) Cố Giovianni Filippo de Marini sinh tại Taggia xứ Ligurie (Ý) năm 1608 mất tại Hạ-môn ngày 11 juillet 1682. Nhập vào giòng tên năm 1625, cố sang Đông-Dương năm 1658 và ở Bắc-Kỳ 14 năm, có lẽ bắt đầu từ năm 1647 Cố về Âu-Châu một chuyến nhưng lại sang Viễn-đông và được cử làm giám-mục Trung-Quốc.

« Khi đức vua tiếp sứ Tàu thì tất cả các quan đại-thần điều đi tùy giá. Bên văn ban cũng như võ ban ai nấy deo dấu hiệu của bộ mình và có rất đông thuộc hạ mang chế phục riêng. Thêm vào đó còn rất nhiều các quan khác vừa văn, vừa võ, mặc sắc-phục đẹp đẽ, trong số này có nhiều ông chưa được bổ vào phung - sự đức vua nhưng cũng đến túc trực, khoe khoang được chú ý hơn những địch thủ của mình để hòng tiện thân và thành tựu Long-giá, vì thế đã tăng thêm vẻ lộng-lẫy, uy-nghiêm».

Chế phục của bọn tiểu-đồng — nhất là của binh lính — bộ binh và kỵ-binh hợp thành 1 cảnh sắc huy-hoàng ít bậc quốc-vương có được. Đội nào cũng có binh phục riêng, áo mầu khác nhau. Binh-khí là những giáo trường, trường thương tên, súng hỏa mai, yển-nguyệt đao, đoản thương hay siêu đao sáng loáng, dát bạc, dát vàng hay nạm ngà. Thủy-quân cũng được lệnh đem 1 đoàn chiến-thuyền đón sứ

và giàn thành thế trận trên sông để sứ Trung Quốc giải-trí. Sự tiếp-rước linh đình và sán lạn. Trong cuộc tiếp-kiến đầu tiên vua Lê và chúa Trịnh (1) mặc triều phục đi hia mũi nhọn vênh lên như mũi những chiếc thuyền nhỏ và đội một thứ mũ trông rất kỳ-khôi Vua và Chúa quỳ lễ bốn lễ vái 1 vái dài nhận sắc-thư của « Thiên-Tử » Trung-hoa do sứ-thần mang đến giao cho.

Đi đâu sứ-thần cũng ở bên phải vua và thay mặt « Hoàng-Đế » nên được các đình-thần bái mạng. Lễ nghênh-tiếp xong thì sứ thần được thù-tiếp như người thường nhưng ông là người ngoại quốc nên bao giờ cũng được tôn-trọng như một đường-quan.

Chiến-thuyền sắp thành hàng 5 chiếc một, hàng nọ cách hàng kia đều nhau thuyền sau nối thuyền trước thành nhiều giẫy dài để nghênh-tiếp Bắc-Sứ. Hai

---

(1) Lê Thần-Tông (1629-1643 lần thứ nhất) 1649-1662 lần thứ nhì.
Thanh đô-vương Trịnh Tráng (1623-1657).

bên bờ sông, suốt một quãng dài mấy dặm, có dựng nhiều cột trên cắm cờ mầu sắc khác nhau gió bay phấp phới.

Bộ binh đóng khắp mọi nơi, chỗ này đóng trống chỗ kia đánh thanh-la. Có chỗ thổi sáo, thổi kèn. Lúc Sứ-thần sắp tới nơi quân lính hoan-hô vang trời lại bắn một loạt súng hỏa-mai hay thần-công để chào. Sứ-thần ở dưới thuyền lên bộ thì bọn thuyền-thủ tức thời bỏ mái chèo tay cầm súng hỏa-mai tỏ dấu vui mừng và hoan-hỉ ».

. • .

Cách tiếp rước quan Khâm-mạng Trung hoa đại-để ở triều-đại nào cũng long-trọng như trên nhưng nghi lễ thụ phong thì có thay đổi chút ít. Chúng tôi rất tiếc không đủ tài-liệu về hai triều Lý (1010-1225) Trần (1225-1400) nên không sao nói được rõ rệt lễ thụ - phong, vào hồi ấy. Chúng tôi xin lược tả dưới đây lễ tấn phong về đời Minh-Mệnh, Tự-Đức.

. • .

Năm Minh-mệnh thứ hai (1821) được tin vua Tầu phái Phan-Cung Thi án-sát-sứ Quảng-tây sang tuyên phong hồi tháng chín năm tân tị (Octobre 1821) Nam-Triều cử hành Bang-giao lễ. Ngày mồng 6 tháng 9 làm lễ tế cáo ở Thái-miếu, ngày mồng 7 (2 octobre 1821) lễ ở điện Hoàng-Nhân (bây giờ là điện Phụng Tiên) ngày mùng 8 (3 octobre 1821) làm lễ chúc thọ tại điện Từ Thọ. (1)

Ngày 12 tháng chín vua Minh-Mệnh cử một vị tôn-thất hợp với các quan : Khâm sai chưởng hữu quân-quận-công Nguyễn văn Nhân, Hữu dinh phó đô thống chế Tôn Thất Bình, binh bộ thượng-thư Lê bá Phẩm tạm quyền nhiếp việc triều-chính Kế đó, ngày 15 tháng 9 (10 Octobre 1821) chọn được giờ Hoàng-Đạo Hoàng Thượng cùng 1782 quan văn-võ và 5360 lính

(1) Tài-liệu sưu tầm ở bài : Minh Mạng va recevoir l'investiture à Hà-nội của quan lễ bộ thượng-thư Huỳnh.,. (Bulletin des amis du vieux Huế N· IV 1917, p. 89.

thị-vệ ngự ra Bắc - Thành đợi Bắc sứ đến tuyên phong.

Biệt kinh-đô Huế, đạo-ngự lần-lượt đến Tân cảng (Quảng-Trị) ngày bính - dần (14 Octobre) đến hành-cung Quảng-Bình ngày canh-ngọ (18 octobre) qua sông Linh, ngày tân-vị (19 octobre) qua Hoành Sơn địa-đầu 2 tỉnh Quảng-Bình, Hà tĩnh Ngày nhâm-thân (20 octobre) đạo ngự dừng lại Suối Sa (Nghệ An), ngày giáp tuất (22 octobre) đến Nghệ an, ngày nhâm ngọ (30 octobre) đến Thanh hóa.. Hoàng thượng và các quan tùy tòng lưu tại đó ít lâu, ngày mậu-tí (5 novembre) Ngài chiêm yết Nguyên Miếu bái yết Triệu-Tường và lăng Trường-nguyên (lăng đức Triệu-Tổ Nguyễn Kim) Ngày canh dần (7 novembre) đạo-ngự tới hành-cung Thanh-Bình ngày ất-vị (12 novembre) đến Bắc-Thành (Hà-nội).

Hoàng-Thượng ngự tại Hành-cung. Vào hồi tháng chạp năm tân-tị (janvier 1822) được tin sứ-đoàn Trung-Hoa sắp tới Nam

Quan nhà vua cử các quan: Thanh-hóa phó đốc-trấn Phan văn Tuy, Lại bộ hữu tham tri Nguyễn văn Hưng, Tham bồi lễ bộ Đinh-Phiên lĩnh chức Quan thượng hậu mạng sứ khởi hành từ Bắc Thành đón Chánh sứ Phan cung Thì tại Nam-Quan.

Nhà vua lại phong: thần-sách phó đô-đốc Nguyễn văn Trí, hình bộ tham-tri Võ thanh Thông, và Thự tham tri Nguyễn hữu Nghi sung chức Kinh-bắc nhai-thủ hậu-tiếp sứ.

Sau hết, thị-nội-thống-chế Võ viết-Bửu, hộ bộ hữu tham-tri Nguyễn công Thiệp, lĩnh chức Gia Quất Công-Quán Hậu tiếp sứ đón tiếp sứ Trung Hoa tại công quán Gia Quất. Được Hoàng-Thượng ban cho kiếm-ấn và dấu bằng ngà khắc chữ « Hậu mạng » và « Hậu Tiếp » các quan kể trên ai nấy tuân mệnh làm phận-sự.

•.•

Qua cửa Nam-Quan, khâm-mạng Phan cung Thì định cử-hành lễ tuyên-phong vào

ngày 20 tháng chạp năm tân-tị (12 Janvier 1822) nhưng hậu mạng sứ Phan văn Tuy yêu cầu cử lễ đó sớm hơn hai ngày tức là vào ngày 18 tháng chạp (10 Janvier 1822). Phan ưng thuận.

Ngày giáp ngọ (10 Janvier 1822) đồ lễ bộ bầy từ điện Kinh-Thiên đến Chu-Tước môn. Từ cửa Chu-Tước đến bến đò Nhĩ Hà chỗ nào cũng có lính và voi giàn ở hai bên đường,

Thị trung tả thống-chế Tôn Thất Địch mặc phẩm-phục cùng Sơn-Nam trấn-thủ Nguyễn văn-Hiếu, Binh bộ tham-tri Trần minh Nghĩa, hộ bộ Tham tri Đoàn viết Nguyên đến lầu « Cung Nghênh » vừa thiết lập ở bờ Nhĩ-Hà để tiếp Sứ.

Hoàng-Thượng đội mũ cửu long, mặc áo vóc đỏ, thắt ngọc-đái, ngự tại Chu-Tước môn hợp cùng các vị hoàng-thân và các Triều-thần chờ đón sứ Tầu. Bắc-Thành tổng-trấn Lê-Chất và hiệp biện học-sĩ Trịnh hoài-Đức (Có sách chép là Trịnh hoài-Đức)

sung chức Thị-Vệ đại-thần.

Gian giữa điện Kính-Thiên đã sửa soạn sẵn nơi đặt Long-Đình, Hương-Án. Hoàng-Thượng ngự đều làm lễ tạ ân ở phía nam, chỗ Ngài túc-trực thì ở phía tây. Một viên Tham tri bộ Lễ túc-trực bên tả điện, 1 vị thượng quan được cử ra thâu nhận sắc phong và 2 nội-tán sẵn sàng chờ đợi ở bên hữu điện. Lính thị-vệ chỉnh-tề xếp hàng ở ngoài sân.

. . .

Bốn ông Tôn Thất-Địch, Nguyễn văn Hiếu, Trần minh Nghĩa, Đoàn viết-Nguyên mặc phẩm - phục cùng những chức sắc, binh-lính đến bến đò phía nam sông Nhĩ-Hà.

Ngày 18 tháng chạp năm tân-tị (10 janvier 1822) ngay từ sáng sớm một vị tôn-tước nhứt phẩm đã thống - lĩnh ngự-lâm-quân và phường bát-âm (hết thảy đều mặc triều-phục) đem quốc-thư đến công quán để vào Long-Đình. Binh-lính, cơ nào đội ấy xếp hàng ngũ rất chỉnh tề. Các quan Hậu-mạng-sứ tiến đến phía trước Long-Đình kính cẩn hành-lễ theo nghi-lễ

đã định. Sau đó là cuộc tiếp kiến quan Khâm-mạng Trung Hòa rồi trống rong, cờ mở, sứ đoàn lên đường. Qua sông Nhĩ Hà và tiến về bến đò phía nam, Long-Đình sẽ để vào quán dịch vừa dựng ở bờ sông. Phan cung Thì thay y phục nghỉ ngơi dùng chè. Kế đó, bốn quan hậu tiếp vào công quán kính cẩn chào Thanh Sứ rồi hành lễ tại phía trước Long-Đình.

Sứ đoàn lại lên đường. Thân thần Tôn thất Địch và 3 hậu tiếp sứ Nguyễn văn Hiếu, Trần minh Nghĩa, Đoàn viết Nguyên lên ngựa hướng dẫn sứ đoàn ; theo sau là binh lính, phường bát-âm, hương án, long đình kiệu quan khâm mạng. Các tùng viên sứ đoàn thì hoặc đi cáng hoặc cưỡi ngựa theo sau. Đến phía đông nam cửa Đại-Hưng các Hậu mạng sứ cùng tùng viên xuống ngựa đi bộ giẫn sứ đoàn đến cửa Chu Tước. Tới đó Phan cung Thì và viên thông ngôn xuống kiệu.

∴

Đúng giờ ngọ, Thanh-Sứ theo Long-Đình vào cửa Chu-Tước. Hoàng-Thượng và đình

thần chờ đón ở phía hữu. Long-Đình tiến vào; Hoàng Thượng và trăm quan qùy xuống khi Long-Đình đi khỏi mới đứng dậy. Long-Đình tiến lên điện Kính Thiên: Hoàng Thượng và Thanh Sứ theo sau tới giữa điện thì dừng lại. Trăm quan túc trực sẵn tại đó. Một quan nghi-lễ tiến lên mời quan khâm-mạng về chỗ.

Lúc ấy nội-tán xướng to để Hoàng thượng lâm vị; các quan văn,, võ xếp hàng theo phẩm-trật ngoài sân.

Theo lời nội-thị xướng, Hoàng thượng cùng trăm quan quỳ ở phía trước Long-Đình. Hai vị quan trong sứ-đoàn mở sắc phong ra. Một vị khác do Thanh sứ cử ra từ trước, đón lấy tuyên đọc, rồi chuyền cho Thanh sứ dâng Hoàng Thượng Hoàng Thượng cúi đầu nhận sắc và chao cho hai vị hoàng-thân. Hai vị này kính cẩn quỳ đón lấy. Hoàng-thượng lễ tạ.

Lễ tất, Hoàng thượng chào quan khâm mạng rồi một vị quan coi việc nghi lễ mời quan Khâm mạng sang điện Cần Chánh. Hoàng thượng ngự ở phía tây, Thanh sứ ở phía đông dùng chè. Kế đó

nhà vua cùng trăm quan tiễn Thanh sứ đến cửa Chu-Tước. Ở đấy các hậu mạng sứ chờ đợi sẵn để hướng giẫn sứ đoàn về công quán.

.·.

Từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày hai lần buổi sáng và buổi chiều ngày nào Nam triều cũng thiết tiệc sứ-đoàn. Mỗi lần sứ đoàn dự tiệc xong đều được vua ta tặng:

12 thoi bạc mỗi thoi nặng chừng 339 gam 670, 4 thanh quế hảo hạng ; 20 tấm vải hoàng bố, 20 tấm vải chúc bâu. Thêm vào đó còn : 2 cặp sừng tê-giác, 1 cặp ngà voi, 1 bộ đồ chè bằng vàng.

Lúc sứ đoàn sắp qua cửa Nam Quan về nước các hậu mạng sứ còn phụng-mệnh Nam-Triều tặng viên chánh-sứ :

5 thanh quế hảo hạng, 10 tấm vải hoàng bố, 10 tấm vải chúc bâu, 4 cái quạt đồi mồi, 1 cái tăm bằng lông đuôi voi dát vàng, 1 cái tăm bằng lông đuôi voi dát bạc, 2 cái quạt bằng ngà.

Các vị ấy lại tặng viên bí thư của quan

Khâm-mạng cùng 2 vị quan coi việc nghi lễ :

3 thoi bạc mỗi thoi nặng chừng 33 gam 670, 1 thanh quế hảo hạng.

Tặng 7 viên văn, võ xung vào việc hộ-vệ:

5 thoi bạc mỗi thoi nặng 33g gam 670, 20 tấm vải hoàng bố, 10 tấm chúc bâu ;

Tặng 2 viên thông ngôn :

Ba thoi bạc mỗi thoi nặng 339 gam 670, 10 tấm vải hoàng bố, 10 tấm vải xuân-cầu.

Tặng 2 người thơ lại :

10 thoi bạc mỗi thoi nặng 33 gam 967. 5 tấm vải hoàng bố, 10 tấm vải xuân-cầu ;

42 tên khiêng kiệu chính cũng được thưởng : 5 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 697, 5 tấm vải chúc bâu ;

29 tên khiêng kiệu phụ : 3 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 967, 3 tấm vải chúc bâu.

Sau hết, 23 người lính tùy tùng sứ-đoàn cũng được thưởng mỗi người 5 thoi bạc mỗi thoi 33 gam 697 và 3 tấm vải chúc bâu.

.˙.

Lúc Sứ Đoàn đến Bắc-Thành Hà-nội và khi sứ-đoàn rời Bắc Thành về nước, Nam Triều đều thiết đại tiệc. Bữa thịnh soạn ấy gồm : 1 bàn có 50 đĩa đồ ăn thượng hạng, 7 bàn mỗi bàn có 40 đĩa đồ ăn trung hạng và 25 bàn mỗi bàn 30 đĩa đồ ăn hạ hạng.

Tiệc ở bàn thượng hạng thường có những món ăn này :

2 bát yến, một bát vây, 1 bát long-tu, 1 bát hải sâm, 1 bát cá mực, 1 bát gà quay, 1 bát gà giò trần, 1 bát vịt hầm 1 bát tôm he, 1 bát thịt dê, 1 bát lòng lợn, 1 bát cua, 1 bát chân giò nhồi thịt 1 bát thịt gà mái quay, 1 bát cá sào bột 1 bát chim bồ câu, 1 bát thịt lợn luộc, 1 bát thịt lợn quay, 1 bát nhung (?), 1 bát thịt kho tầu, 1 bát thịt ba chỉ thái nhỏ 1 bát chân giò ninh, 1 bát vịt quay, 1 bát vịt luộc, 1 đĩa bánh nhân vừng, 1 đĩa bánh rán, 1 đĩa bánh cao, 1 đĩa bánh ngọt nhuộm phẩm ngũ sắc, 1 đĩa bánh ngọt không nhuộm phẩm, 1 đĩa bánh

trứng gà; 1 đĩa bánh bột sắn, 1 đĩa bánh bột sắn trắng, 1 đĩa bánh phu-thê, 1 đĩa xôi nhuộm xanh, 1 đĩa xôi nhuộm đỏ 1 đĩa quýt, 1 đĩa cam, 1 đĩa chuối, 2 bát chè đậu xanh, 1 đĩa bánh đậu xanh 1 bát bánh khảo.

Thêm vào đấy còn có những thức tráng miệng sau này : 1 đĩa bánh ngọt tạc theo hình bát bửu, 1 đĩa bánh ngọt tạc theo hình long, ly, quy, phượng, 1 đĩa bánh ngọt xếp hoa, 1 đĩa mứt, 1 đĩa nho 1 đĩa bánh ngọt xếp theo hình ốc, hến 1 đĩa táo, 1 đĩa scan-trà, 1 đĩa mứt bí, 1 đĩa bánh ngọt cắt hình tròn mà dẹp 1 đĩa lạc, 1 đĩa hạt dưa, 1 đĩa mứt gừng 1 đĩa bánh gừng (?) v. v.

. * .

Sau khi tiễn quan khâm-mạng Phan cung Tùi về nước, vua Minh Mệnh cùng các quan tuỳ tòng cũng rời Bắc Thành vào Huế. Ngài lần-lượt qua 63 quán dịch lúc đó đã thiết-lập thành hành cung (xem chương thứ VII)

* * *

Theo cố Cadière chủ bút tạp chí Đô Thành hiếu cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huế) thì các quan văn võ tùy tòng vua Minh mệnh ra Bắc - Thành (Hà-nội) chuyến ấy gồm có :

Quan văn : 1 vị tòng nhứt phẩm, 2 vị chánh nhị phẩm, 4 vị tòng nhị phẩm, 8 vị chánh tam phẩm, 1 vị tòng tam phẩm, 12 vị chánh tứ phẩm, 2 vị tòng tứ phẩm, 12 vị chánh ngũ phẩm, 5 vị tòng ngũ phẩm, 10 vị chánh lục phẩm, 3 vị tòng lục phẩm, 42 vị chánh thất phẩm, 8 vị tòng thất phẩm, 29 vị chánh bát phẩm, 16 vị tòng bát phẩm, 30 vị chánh cửu phẩm, 4 vị tòng cửu phẩm và 15 chức sắc.

Quan võ : 2 vị chánh nhất phẩm, 2 vị tòng nhất phẩm, 3 vị chánh nhị phẩm, 17 vị tòng nhị phẩm, 20 vị chánh tam phẩm, 15 vị tòng tam phẩm, 11 vị chánh tứ phẩm, 65 vị tòng tứ phẩm, 214 vị chánh ngũ phẩm, 34 vị tòng ngũ phẩm, 50 vị chánh lục phẩm, 385 vị tòng lục

phẩm, 52 vị tòng thất phẩm, 2 vị chánh bát phẩm, 11 vị tòng bát phẩm, 4 vị chánh cửu phẩm, 3 vị tòng cửu phẩm, 1 ngự y tòng bát phẩm, 23 linh công-tánh (?).

⁂

Đời Vua Tự Đức (1847-1883) thì sứ Tầu vào tận kinh-đô Huế tuyên phong. Ngày 22 tháng 7 năm Tự Đức thứ 2 (1848) sứ bộ Trong hoa lĩnh sứ-mệnh của vua Thanh Tuyên-Tông Đạo Quang (1821-1851) gồm có án sát sứ Quảng Tây Lao sùng Quang quán tại Trường xa, Hồ nam làm chánh sứ, Lê lương Trạch tước Dụng Đạo và Trương nhữ Đinh tri - phủ xung chức phó sứ (1)

Sứ đoàn đến cửa Nam Quan thì các quan-chức hạt Lạng Sơn và các hậu mạng

(1) Theo bài « L'Ambassade chinoise qui conféra l'investiture à Tự Đức, Bulletin des Amis du Vieux Huế N. III 1916, pages 309-344 Documents communiqués par S. E. le ministrè des Ritestraduits par Ngô đình Khôi.

sứ đã xếp đặt sẵn Long đình để sắc phong và đồ tặng hảo Bắc Triều ban cho vua ta. Sứ-đoàn gồm trên một nghìn người (trong số này chừng độ 4, 5 trăm tùng viên, thông ngôn, thầy thuốc, thơ lại, đầu bếp và người mang hành-lý rất nhiều voi và ngựa. Đi giẫn đầu là lính cầm biển, cầm cờ, giáo, mác, đánh trống đánh chiêng. Kế đó là 15 cặp cầm trường kiếm cán mạ bạc rồi tới Long Đình.

Quan chánh-sứ ngồi trên kiệu theo sau có các quan tùy tòng hoặc đi cáng, hoặc cưỡi ngựa, sau hết đến những người khiêng hành-lý. Cả những lúc qua sông cũng vẫn giữ trật-tự như thế,

Suốt giọc đường sứ bộ đi qua ở địa đầu các phủ, huyện tổng làng, chỗ nào cũng gián 2 chữ « Cung Nghênh » viết trên một tờ giấy đỏ. Các cửa hiệu đều bầy hương án bái-vọng. Trẩy qua miếu mạo nào linh-ứng thì sứ-đoàn ngừng lại chiêm-yết. Khi sứ - đoàn qua các hạt Hải-Dương, Bắc Ninh, Hà-nội, Nam định, Ninh-Bình, Thanh hóa, Nghệ An, Hà tĩnh, Quảng Bình thì các quan đầu tỉnh

dâng lễ mừng và thết tiệc. Sứ-bộ đến Hồ xá (phía bắc tỉnh Quảng Trị) thì quan Khâm mạng Nam Triều đã đem long-thuyền trang-hoàng rất mỹ-quan do 1400 lính và 1000 thủy-thủ (1) trở, sẵn sàng đón tiếp và mời sứ bộ về bến Hương Giang. Những chòi trong hoàng thành đều cắm cờ và trên vọng lâu phất phới lá hoàng kỳ. Bộ binh nai-nịt gọn gàng cùng 200 lính kỵ mã xếp hàng từ bến đò đến nhà công-quán. Rời bến Hương Giang sứ đoàn tiến đến cửa đông nam rồi lưu tại phía tây nam công-quán. Long đình để ở gian giữa (1). Quan

---

(1) Công-quán này có lẽ dựng vào cuối đời Gia-Long hoặc vào đầu đời Minh Mệnh. Khu nhà đẹp đẽ ấy ở phía trước Thừa Thiên phủ trong hoàng thành, phía đông bắc cửa Kẽ Trài. Chính tại đó vào hồi tháng một năm đinh hợi (Décembre 1827) gặp ngày lễ đản-sinh Hoàng Thái hậu vua Minh Mệnh (1820-1840) đã thết tiệc lãnh sự ngoại quốc và những sứ thần Cao man, Ai Lao phiên thuộc quốc của nước Đại Nam. Sau này công-quán thường dùng làm nơi giam cầm các tội nhân phụ thuộc vào đề lao Thừa Thiên. Ở đấy, các nhà truyền giáo Gagelin và Jaccard —

phủ-doãn Thừa Thiên, một vị hoàng thân và các vị hậu tiếp-sứ lần-lượt đến chúc-tụng và đem đồ tặng hảo đến tặng hai quan chánh, phó sứ.

* * *

Sáng ngày mùng 2 tháng 7 năm Tự Đức thứ hai (1848) sau ba hồi trống, các quan được cử ra để thuộc quyền sai-phái của sứ Tàu và các viên « hậu tiếp sứ » từ sáng sớm đã mặc triều-phục túc trực tại sứ quán. Một đoàn gồm 100 lính kỵ-mã cũng tề tựu tại đó để chờ lệnh. Các hoàng-thân, văn võ triều

---

nhân viên hội truyền-giáo Paris — những cố Franciscain Italien, Odorico đã phải giam giữ nhiều lần vào những năm đinh hợi (1827) nhâm thìn (1832), quý tị (1883). Năm ất hợi (1875) vua Tự Đức không muốn tiếp sứ-thần ngoại-quốc trong hoàng-thành nên cho làm công-quán ra cửa đông nam (tức cửa Thượng Tứ) và gọi là Thương Bạc. Năm ất dậu (1885) khi kinh thành Huế thất thủ thì Thương Bạc là phủ của phụ chính Nguyễn văn Tường. Sau này, nguyên soái Prud'homme cũng có hồi đóng đại bản-doanh ở đấy.

thần từ tam phẩm trở lên thì túc trực tại điện, từ tam phẩm trở xuống thì ở bên cầu Kim thủy Một vị thân thần và 2 quan khâm-mạng đến sứ quản mời Thanh sứ tiến cung.

Ba phát súng thần-công lần lượt nổ Trống rong, cờ mở. Các hoàng thân và quan khâm-mạng đi đầu. Phường bát âm theo sau rồi đến Long Đình và kiệu Bắc sứ. Đoàn tùng-viên theo sau hoặc cưỡi ngựa hoặc đi cáng. Đến mé đông nam hoàng-thành cả đoàn dừng lại xuống ngựa hay cáng chỉ có viên chánh sứ thì đến tận phía tả lầu « Cung Nghênh » mới xuống kiệu.

Vua Tự Đức đội mũ Cửu Long, mặc áo hoàng bào, lưng thắt ngọc đái, ngự tại phía hữu lầu Cung Nghênh. Trước điện Thái Hòa đã dựng một thể Điện-Từ điện ấy đến phía nam cầu Kim Thủy đều trang-hoàng lộng lẫy. Chiếu cạp điều giải khắp các sân. Khi Long Đình tiến đến giữa Thể Điện thì vua ta, các quan khâm-mạng, các hoàng thân quốc thích cùng văn võ trăm quan đều quỳ xuống. Long

Đình qua rồi, mọi người đứng giây. Long đình tiến vào Ngọ Môn thì 9 tiếng thần công liên-tiếp nổ. Qua cửa chính điện Tuyên Đức, Long Đình trân trọng chí tại Thề Điện. Thanh sứ đến phía tả lầu Cung Nghênh thì vua ta cúi đầu chào. Nhà vua và Thanh sứ cùng tiến vào Thề điện. Lễ tuyên phong cử hành.

Theo lời nội thị xướng Hoàng-thượng tiến đến trước Long Đình quỳ xuống. Trăm quan quỳ theo. Hai vị quan trong sứ-đoàn mở sắc phong ra Một vị khác trịnh trọng đón lấy, tuyên đọc, đọc xong chuyền cho Thanh - sứ dâng lên vua Tự Đức. Ngài nhận lấy trao cho hai vị hoàng thân. Nhà vua lễ tạ rồi ban hỏi Thanh sứ vài câu.

Kế đó, Hoàng Thượng ngự ở phía tây Thanh sứ ở phía đông ; bên phải Hoàng Thượng là các hoàng thân và văn võ đình-thần bên trái là tùng viên sứ-đoàn

Sau tiệc trà Hoàng Thượng lui vào cung Thanh sứ cùng các tùng viên trở về `công

quán và được Nam triều thết tiệc rất long trọng.

Vài hôm sau, Thanh sứ Lao sùng Quang về nước. Cuộc tống tiễn cũng long-trọng như cuộc tiếp rước.

PHẦN THỨ NHÌ

— Mối duyên văn giàng buộc sử Trung hoa với sử Việt nam — Sứ mệnh, hành vi và tiết tháo của một vài vị Tuế cống sứ Việt nam.

I

Mối duyên văn giàng buộc sứ Trung-hoa và sứ Việt-nam.

Tuy nước ta phải đem phẩm vật cống hiến Bắc Triều nhưng vì tình đồng-văn hiến các triều thần Trung Quốc thường vẫn xử bình-đẳng với những Tuế cống sứ Việt Nam. Có khi vì mến tài một vài sứ thần Việt-Nam mà các quan Khâm-mạng Bắc Triều thành-thật tỏ lòng kính-trọng các vua Việt Nam. Thảng hoặc có viên sứ Tàu kiêu ngạo, hỗn sược như Sài Thung (sang Annam vào năm Canh Thìn 1280) thì lập-tức được Nam Triều ban cho một bài học đích-đáng ngay. Cũng như

những Tuế cống sứ Việt Nam thường là những văn quan đại-biểu cho phái trí-thức những sứ lâu sang nước Nam phần đông cũng là những bậc khoa-cử xuất-thân. Cho nên, ngoài việc quân quốc trọng sự các vị đó đã cùng nhau xướng, họa và trở nên thi-hữu chí thân: Chúng tôi xin cử ra dưới đây một vài câu chuyện làm thí dụ.

Ngạ lội giữa giòng.

Đời vua Lê Đại Hành (980-1009) khoảng năm Thiên Phúc thứ 7 (đinh hợi 987) Tống Thái Tông (976-995) phái Lý Giác sang sứ Việt-nam. Lúc đó vừa rửa được nhục nô-lệ hơn một nghìn năm, nước Đại cồ Việt đang ở trong thời-kỳ chỉnh đốn nên chưa có kỳ thi nào bằng chữ Hán, Tìm được 1 người khả dĩ ứng-đối lưu-loát được với Bắc sứ về phương diện văn học là một việc rất khó-khăn, Sự khó-khăn ấy cũng chẳng khác nào như hồi Minh Mệnh (1820-1840,) Thiệu Trị (1840-1847), Tự Đức (1847-1883) người

Pháp vừa sang nước Việt Nam, vua, quan nước ta phải tuyển những người thông Pháp văn để làm thông-ngôn vậy.

May hồi ấy đạo phật đã truyền sang nước ta có lắm nhà sư rất giỏi chữ Hán Một trong những vị ấy, Thiền sư Đỗ Pháp Thuận (thường goi là sư Thuận học rộng thơ hay và sáng việc thời-thế đã tạm-biệt thầy là sư cụ Phù Trì và chùa Cổ Sơn thay áo ca-sa, bận bộ triều-phục để giúp quốc gia về mặt văn hàn và đã công nhiên làm quảng-cáo cho tên Đại cồ Việt lúc ấy vừa tô lại mầu thành một quốc-gia độc lập. Không những làm tròn sứ-mệnh nhà vua phó thác cho mà khi đón tiếp « Thiên Sứ » là Lý Giác ở chùa Sách Giang sư Thuận lại còn khiến sứ Trung hoa phải khen, phục. Nhân lúc qua sông, thấy đôi ngỗng trắng, Lý Giác ứng khẩu đọc hai câu thơ :

Nga nga lưỡng nga nga
Ngưỡng diện hướng thiên-nha.

Sư Thuận liền đọc luôn 2 câu nối vận thành một bài tứ tuyệt :

Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba

(Hai con nga lội giữa giòng,
Nghiêng nghiêng đôi mỏ ngẩng trông chân trời.
Bồng bềnh mặt nước chơi vơi
Chân vàng nước biếc, lông phơi trắng ngần.)

Lý Giác nghe thơ lấy làm thán phục, về sứ quán tặng thiền-sư Đỗ Pháp Thuận một bài thơ tỏ ý kính trọng vua ta ngang với vua Trung Quốc :

Hạnh ngộ minh thần tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ Giao-châu.
Đông-đô lưỡng biệt tâm vưu luyến
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạt yên vân xuyên lãng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu
Khê đàm ba tịnh kiến thiềm thu.

Dịch

Gặp buổi giúp vua phận cỏn con,
Một thân hai chuyến, tới Nam-môn.

Đông-đô đôi biệt lòng lưu-luyến
Nam-việt muôn trùng mắt mỏi-mòn.
Ghềnh đá, bụi tung chân ngựa đạp,
Giòng sông núi vẩy bánh xe bon.
Ngoài trời, còn có trời soi tới,
Sóng lặng, đầm khe bóng nguyệt tròn(1)

(Cố-nhiên thiền sư Đỗ pháp Thuận được vua Lê đại Hành trọng - thưởng nhưng, Thiền sư từ chối cả mọi sự phong thưởng không màng một mảy may phú quý, vinh hoa. Trước thái độ thanh cao đó vua Lê đại Hành rất kính trọng thường kêu Thiền-sư là Đỗ pháp sư chứ không gọi tên. Năm Hưng thống thứ hai (990 đời Lê đại Hành, sư Thuận mất thọ 76 tuổi)

Đến ngày tiễn-biệt Lý Giác, để tạ bài thơ trên, vua Lê đại Hành ủy đại sư Ngô chân Lưu pháp-hiệu là Khuông Việt làm bài từ sau này tiễn chân :

Tường quang phong hảo cẩm phàm trương.

---

(1) Theo Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đổng Chi trang 101-102.

Giao vọng thần tiên phục đế hương.
Vạn trùng sơn thủy phiếm Thương
Lang !
Cửu thiên quy lộ trường.
Tình thảm-thiết, đối ly-trường !
Phan luyến sứ tinh lang
Nguyện tương thâm ý khán Nam-
cương.
Phân minh báo ngã hoàng ! (1)

Dịch

Gió lành xuôi thổi cánh buồm giương,
Xa ngóng thần tiên chốn Đế-Hương.
Muôn trùng non nước trèo sông Thương
Chín trời về đường trường
Chén ly-biệt, tình thảm-thương.
Nhìn cờ sứ: nhớ-nhung chàng !
Mấy nhời nhắn nhủ cùng quân thượng:
Săn-sóc chốn Nam-Cương (2)

---

(1) Theo Nam Phong tạp chí số 121 (Septembre 1927) phần Hán văn trang 27, 29 bài (Đại Nam cao tăng chuyện).
(2) Bản dịch của Hoa Bằng Tri Tân tạp chí.

Nhờ có bài từ của Ngô chân Lưu (3) mà nước Đại cồ Việt ta nổi tiếng là nước văn-hiến. Xem thế thời công dụng của văn-chương thật không phải là nhỏ...

Triều Tiền Lê đón tiếp Tống Cảo

Vào khoảng năm kỷ-sửu (989) Tống thái Tông 976-995 phái Tống Cảo sang sứ nước ta. Khi đón, tiếp Cảo vua Lê

(3) Đại-sư Ngô chân Lưu người ở Cát Lợi chỉ thẳng-thích không chịu bó buộc theo lề lối thường, thụ-giới Phong Vân Thiền sư ở chùa Khai Quốc thành Đại La (Hà-nội). Năm 40 tuổi thanh-danh đại-sư đã nổi cao theo đạo phép. Mỗi khi vua Đinh Tiên Hoàng (968-980) mời vào cung ban hỏi Đại-Sư đối-đáp rất vừa ý ngài nên được phong chức là Khuông Việt. Vua Lê Đại Hành nối ngôi nhà Đinh đại-sư là người được trọng-đãi nhất. Phàm những việc quân quốc trọng đại trong triều đều do đại-sư dự vào. Trở về già, đại-sư về quê nhà, và mến cảnh Hy Sơn dựng chùa để trụ-trì tại đó. Đại-sư mất ngày 15 tháng 2 năm Thuận Thiên thứ hai (1011) đời Lý thái Tổ (1010-1028) thọ 52 tuổi (có sách chép là 70 tuổi).

đại Hành thường mặc áo vải hoa và áo sắc hồng đội mũ trang-sức bằng châu-báu tự rót rượu mời sứ Tàu. Đi sứ về, Tống Cảo dâng sớ lên vua Tống Thái Tông, nguyên-văn tờ tấu ấy hiện còn chép trong bộ Văn hiến thông khảo của Mã đoan Luân (1) (quyển 330 trang 19b, 20b sách của thư viện trường Viễn đông bác cổ) đại-khái như sau này :

Cuối mùa thu năm ngoái, chúng tôi (Tống Cảo) đến Giao châu (kỷ-sửu 989), Lê Hoàn sai nha nội đô chỉ huy sứ Đinh thừa Chính chở 9 chiếc thuyền và 300 quân đón chúng tôi ở cửa biển Thái Bình. Tự ngoài biển vào trải qua bao

(1) Ông d'Hervey de Saint Denys đã dịch sách này ra chữ Pháp nhan-đề là : Ethnographie des peuples étrangers à la Chine, ouvrage composé au XIIIe siècle de notre ère par Ma Touan Lin (phong-tục những dân khác dân Trung hoa sách của Mã đoan Luân làm về thế-kỷ thứ XIII sau kỷ-nguyên). Sách này in tại thành Paris nhà Leroux xuất-bản 1883. Bản dịch tờ tấu của Tống Cảo cũng đã đăng ở quyển Méridionaux (dân miền Nam) trang 316, 320.

nhiều sự nguy-hiểm. Nửa tháng sau chúng tôi đến sông Bạch Đằng theo thủy-triều lên mà đi. Những chỗ chúng tôi nghỉ đêm là 3 gian nhà tranh mới làm gọi là Quán dịch. Đến Trường châu gần địa-phận nước Đại Cồ Việt, Lê Hoàn đem hết cả chiến-thuyền ra đón chúng tôi. Từ đấy chúng tôi đi đêm theo ven biển đến Giao châu độ 15 dặm có 5 gian đình cỏ tranh đề là « mao kênh dịch ». Còn 100 dặm nữa chúng tôi tới kinh-đô Hoa-Lư Lê Hoàn sai đuổi những súc-sản của dân ra nói là của quan. Số quân không đầy một nghìn, Hoàn dương danh nói một vạn. Bao nhiêu dân đinh cũng trà-trộn với quân lính mặc áo tạp sắc, cưỡi thuyền đánh trống reo hò. Chúng tôi đến chỗ núi gần thành thì Lê Hoàn lại treo cờ trắng trá làm cảnh-tượng dàn quân. Chợt Lê Hoàn đến làm lễ giao-nghênh, nép ngựa, nghiêng mình. Chúng tôi hỏi Hoàng Thượng ngọc-thể có khang-an không xong giật cương ngựa cùng đi. Hoàn lấy trầu cau mời chúng tôi ăn ở trên lưng ngựa: Đó là phong-tục đãi khách. Trong thành

không có dân ở chỉ có vài mươi trăm nóc nhà tranh, dùng làm trại lính, ở phủ thự có ao tràn nước gọi là Minh Đức môn.

Lê Hoàn là người quê-kệch, mắt lim-dim tự nói năm vừa rồi cùng giặc Mán đánh nhau, ngã ngựa đau chân nên nhận tờ chiếu không lễ được. Sau vài đêm làm tiệc uống rượu vui vẻ Hoàn lại ra ngoài « vũng » vui chơi tiếp khách Hoàn đi đất cầm cần câu lội xuống nước câu cá. Mỗi khi Hoàn câu được một con cá thì 2 bên tả, hữu đều nhẩy lên reo hò vui vẻ. Phàm dự yến hội, Hoàn mặc nhiều áo sặc sỡ và áo đỏ, mũ lấy ngọc chân-châu trang súc vào tự hát mời rượu, chúng tôi chẳng ai hiểu câu gì. Hoàn thường sai vài mươi người mang con rắn to, dài vài mươi trượng để làm lương-thực cho sứ quán và hỏi nếu ăn được món ấy sẽ sai làm cơm thết.

Đã thế, Hoàn lại sai buộc hai con hổ đưa cho chúng tôi, để lúc nào muốn xem thì xem. Chúng tôi đều khước không

nhận. Sĩ-tốt của Hoàn có độ 8 nghìn người đều viết chữ vào chán là « Thiên tử quân », ngày lượng cấp thóc lúa sai tự giã lấy mà ăn. Binh khí chỉ có cung, nỏ, mộc, bài, giáo gỗ, giáo tre. Hoàn là người khinh-thoát thân-cận với những kẻ tiểu-nhân thường lấy bọn hoạn-quan làm tâm-phúc ; năm, bẩy lũ đứng xếp hàng ở bên cạnh Hoàn đều muốn cho uống rượu, làm trò vui. Quan thuộc ai thạo công việc Hoàn cất về ở bên tả, hữu. Ai phạm lỗi hoặc bị giết, hoặc bị đánh vào lưng từ 100 đến 200 roi. Các quan làm phật ý Hoàn đều phải phạt từ 30 đến 50 roi, phải truất làm hôn-lại (canh-cửa trong cung-cấm) khi Lê Hoàn nguôi giận thì thôi.

Lễ nhạc Việt-nam theo sự nhân-xét của sứ Trung quốc

Chẳng những ghi chép rất rõ ràng cách Nam-Triều tiếp-dãi mình, sứ Tầu lại còn để ý cả đến phong-tục, tạp quán Việt nam. Theo Lê quý Đôn tác giả sách

Kiến Văn tiểu lục thì Trần cương Trung sứ Tầu sang nước Nam vào sau hồi Trần hưng Đạo đại-phá quân Nguyên (1288) đã viết về lễ-nhạc nước ta khi Trần nhân Tông (1283-1293) ban yến như thế này :

« Nhà vua thường ban yến ở điện Tập Hiền; đào kép mỗi bên 10 người đều ngồi giữa đất (?) có đàn tì-bà loại đàn tranh nhà Tần một giây. Tiếng hát cùng tiếng đàn hòa nhau. Giọng ca ngân dài rồi đến lời hát. Dưới điện có trò đi đầu cây sào và múa rối. Lại có trò mang gấm phủ vào mình rồi múa nhẩy, gào, thét. Đàn bà nhuộm 10 móng chân đỏ đứng trên sàn hát múa. Thêm vào đó còn một bọn con trai hơn 10 người cởi trần nắm cánh tay nhau nối gót đi vòng quanh mà hát. Trong khi đi một người dơ tay thì cả bọn đều dơ tay mà hạ xuống thì đều hạ. Lời ca gồm có các khúc Trang chu mộng điệp, Bạch lạc thiên, Mẹ biệt con, Vi sinh ngọc tiêu, Đạp ca, Thanh ca, còn lời than về thời-thế thì rất thảm-thiết. Đại tiệc ở trên

điện thì phường đại nhạc ngồi ở sau nhà chài, người và nhạc khí đều không thấy. Mỗi lần rót rượu, quân lính hô to: « nhạc tấu » thì ở dưới nhà chài cử những khúc Giáng châu Long, Nhập hoàng đối, Yến giao tri. Âm-điệu cũng giống như âm-điệu cổ-thời nhưng ngắn và gắt »...

Đi sứ Việt nam về tuy buổi ấy binh-đao đã lặng từ lâu mà Trần Cương Trung còn khiếp-phục binh-sĩ đời Trần. Sự khiếp-phục ấy thấy trong những-vần thơ này :

Thiếu-niên ngẫu thử thỉnh trường anh
Mệnh lạc Nam châu nhất vũ khinh.
Vạn lý Thượng Lâm vô nhạn đáo
Tam canh Hàm cốc hữu kê minh
Kim qua ảnh lý đan tâm khổ,
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh.
Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại
Mộng linh do giác chướng hồn kinh.

Dịch

Ngẫu-nhiên tuổi trẻ chức quan to,
Sai sứ sang Nam nhẹ tựa tơ !

Muôn dặm Thượng Lâm không nhạn đến
Ba canh Hàm cốc có gà o.
Lờ-mờ giáo sắt lòng kinh khiếp
Văng vẳng trống đồng tóc bạc phơ.
May được trở về thân mạnh khỏe
Chiêm bao thấy lại vẫn còn lo.
(Nguyễn đồng Chi dịch)

Xem thế thì đủ biết sau khi tàn quân của Thoát-Hoan hai lần thua chạy vong-mạng về Tàu, người Nguyên khiếp-phục binh-lực nhà Trần đến bậc nào !

Hoàng Thường và Á Hồng.

Sau giặc Nguyên (1294 - 1288) hai nước Việt Hoa lại thông-hiếu thân-mật nên sứ bộ thường qua, lại luôn luôn. Năm Đại khánh nguyên niên (giáp dần 1314) triều Trần minh Tông 1814 1328 sứ Tầu là Hoàng Thường được Nam-Triều tiếp-đãi rất long trọng. Vâng ý-chỉ của Trần minh Tông một viên bạn tiếp đem tặng Hoàng-Thường 100 lạng vàng và nói «Quả quân sai tôi đến tạ ân túc hạ. Quý quốc không quên tình hiếu của tiên quân tệ quốc phái chấp sự sang đây thật vinh sủng cho hạ quốc. Hạ quốc không biết lấy gì đáp lại thịnh-tình ấy nên có

chút lễ mọn này dâng tặng túc hạ » (1)

Nhưng, Hoàng Thường là người liêm khiết có tiếng một mực khước từ :

« Tôi làm quan đã có lương bổng nhà vua cấp cho, hà tất phải thực hành như vậy. Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ thịnh tình quý quốc nhưng rất tiếc chẳng thể chiều lòng. »

Trần Minh Tông được tin khen ngợi mãi. Rồi muốn Thường khỏi phải trơ-trọi ở nơi bưu-đình, một vị triều-thần Annam hiến vua một kế : « Tôi xét ra bọn thư-sinh thường hay giấu lòng dục-vọng mà ít tính cương quyết. Vậy thì, một trang mỹ-nhân có lẽ đối với Thường còn quý hơn một trăm lạng vàng ».

Minh Tông chuẩn lời tâu ấy, tuyển một thiếu-nữ tuyệt sắc tên là Á Hằng theo viên bạn-tiếp đến hầu sứ Tầu.

Viên bạn tiếp nói : « Quả-quân sai tôi

1) Theo tài liệu của Sở-Cuồng Nam-Phong số 176 (sept. 1932) quốc văn thi âm tùng thoại trang 218-219.

đến tạ-ân túc-hạ, túc hạ trọng tình hiếu hai nước khuất-giá đến tệ quốc, không có ai hầu-hạ tả, hữu, chiếu-cố khi hàn-huyên thật là một sự lo cho quả quân. Vậy, quả quân xin kính dâng túc-hạ một thiếu-nữ mong túc-hạ vui lòng ưng-nhận cho ».

Trước Hoàng Thường còn cố từ sau nể lời viên bạn-tiếp đành ưng nhận. Ban đầu, Ả Hồng chỉ được phép lưu ở ngoài sứ quán rồi dần dần mới được ở trong nhà. Một đêm khuya, Ả Hồng buồn-bã ngâm một bài thơ :

Cô-quán tiêu-điều dạ tự niên
Bán luân tàn nguyệt quải thu thiên.
Đương thời tự hận tri-âm thiểu
Bất cập bưu-đình nhất tá-miên.

Dịch :

(Một mình phòng vắng trải đêm thâu,
Nửa mảnh trăng tàn giữa tiết thu.
Nào ớ tri-âm đâu vắng-vẻ
Thưa đêm ngủ quán hãy phong-lưu).

Hoàng Thường đi sứ đã lâu đêm khuya nhớ nước, nhớ nhà trằn trọc mãi

không ngủ được nghe lời thơ để ý ngay đến Ả Hồng. Sau đó ít lâu vì Thường xúc cảnh đường trường không tự chế được liền sinh lòng luyến-ái Ả Hồng. Từ đó tình-tự càng ngày càng nồng và Hoàng Thường muốn nhắc lại buổi gặp gỡ đầu tiên, thường hay nói bỡn Ả Hồng « có hơn ở chốn bưu-đình không ? »

Nhưng, ở đời ngày vui bao giờ cũng ngắn. Chẳng bao lâu sứ vụ thanh thỏa. Hoàng Thường sắm-sửa hành trang về nước. Ả Hồng khóc bảo Thường : « Chàng ở phương bắc, thiếp ở phương nam, quan san cách trở ngờ đâu có sự hoan-lạc nhất thời. Bấy lâu nay tình-tự kể sao cho xiết thế mà đột-nhiên bỗng én bắc, nhạn nam, nước mây chia rẽ, kẻ ngâm « chiết Liễu », người phú « Ly ca » cảnh đoạn-trường này còn gì đau đớn hơn nữa.

Hoàng Thường cảm-động cũng khóc nói với Ả Hồng :

— Phù-sinh rất chóng mà hạo kiếp thì dài, sự ly-biệt nhất-thời thật không đáng chú-ý đến. Nhưng, những lúc trăng đêm sáng sủa, sương sớm lồng hiên, chiếc gối, ngọn đèn chắc nàng không lấy gì

giải buồn cho được. Vậy, ta quyến-niệm tặng nàng một bài thơ để khi nào tưởng nhớ đến nhau nàng sẽ ngâm-nga giải buồn.

Nói xong Hoàng Thường đề bốn câu tứ tuyệt vào quạt :

Minh nhật tiên chu biệt Nhĩ hà,
Kim tiêu ân-ái khởi từ đa.
Lai thời thuyết đáo tương-tư sự,
Vọng đoạn Hành dương khả nại hà.

Dịch :

(Sông Nhĩ thuyền tiên vội biệt nhau
Đêm nay ân-ái biết nhường bao.
Sau này nghĩ đến cơn thương nhớ
Trông cách Hoành Dương biết thế nào ?

Ả Hồng trân trọng nhận lĩnh rồi cũng làm 1 bài thơ tặng lại :

Thiếp lệ tùy Tương-thủy,
Quân tình vọng Lĩnh-Nhai.
Bắc triều thông-hiếu cửu
Sứ tiết hựu trùng lai.

Dịch :

(Tương-thủy như tuôn giọt lệ sầu,
Tình chàng nhớ thiếp biết trông đâu ?

Bắc-triều thông hiếu còn lâu mãi
Sứ-tiết sau này lại gặp nhau.

Hoàng Thường đọc thơ trìu-mến nhìn A Hồng rồi rùng-rằng mãi trong lúc chia tay. Hoàng Thường về nước rồi, Å Hồng còn dấu những việc kể trên không cho ai biết, sau mới đem mấy bài thơ xướng, họa cùng Hoàng Thường dâng vua Trần minh Tông. Thế là danh tiếng Å-Hồng truyền khắp kinh - thành. Ai ai cũng truyền-tụng thơ nàng và đều cho nàng là bậc tài-nữ...

Hai mươi năm một bài thơ

Năm 1889, trên Ấn độ dương tầu Kint Edward Steamer (1) của hãng hàng hải Anh cát lợi trở khách từ Thái Tây sang Viễn Đông : Trên tầu có đoàn phái-bộ Việt Nam vừa sang dự hội Triển-lãm ở Paris về. Trong đoàn có một vị sư chùa Đại Tráng, một nhà nho di tv. Có nhà

1) Theo Ngược Đường Trường Thi của Nguyễn triệu Luật trang 138-140 Tân dân xuất bản

sư vì chính-phủ Bảo-hộ muốn đem đủ mặt nhân-vật nơi thuộc địa về thủ-đô thượng quốc

Sư Đại Tráng quan không phải, dân không phải thành ra không thân-mật với ai trong phái-bộ. Hàng tháng lềnh-bềnh trên mặt trùng dương nhà sư chỉ còn cái thú chơi với một ông Tầu. Một hôm sư Đại-Tráng giở những tập danh thiếp tự-tích các danh-nhân Việt-nam cho ông bạn Tầu xem. Nhưng, tờ hoa tiên nào ông cũng nhìn một cách lơ đễnh vì chữ không tốt mà văn cũng không hay lắm. Đến một tờ, ông Tầu cầm lấy nhìn kỹ, đọc rồi bút đàm với nhà sư :

— Tờ này chữ tốt, văn hay, của ai thế thơ ai thế, chữ ai thế ?

Nhà sư cũng bút-đàm :

— Thưa, đó là chữ ông Nguyễn tấn Cảnh đỗ cử nhân con trai thứ tư quan cố lại-bộ thượng-thư Nguyễn tự Giản (1)

---

(1) Tiên-sinh chính tên là Nguyễn văn Phú theo mệnh vua Thiệu Trị đổi là Nguyễn địch Giản rồi lại theo mệnh vua Tự Đức cải là Nguyễn Tư

— Hiệu Vân Lộc ?

— Vâng !

— Đã sang sứ Yên kinh. Thế thì tôi quen. Vân Lộc khi sang sứ có cùng tôi xướng, họa và là thi-hữu của tôi giạo ấy.

— Dám hỏi đại-nhân là ai ?

— Tôi là khâm mệnh tru Luân-Đôn khâm-sứ đại-thần Trương Ấm Hoàn Hoàng-đế có dụ gọi tôi về vì việc quân quốc trọng-sự. Thế bây giờ Vân Lộc tiên-sinh làm gì ? ở đâu ?

— Vân Lộc phu-tử bây giờ ngồi giậy học kiếm ăn, ở nhờ đất một ông bạn vì phu tử nghèo lắm, không có nhà, không có ruộng chi cả,

— Thế là phải. Đã may mắn gặp nhà sư đây lại biết tin người bạn cũ thì tôi

---

Giản đỗ tiến-sĩ đã từng làm giáp Phó sứ trong bộ tuế cống sứ sang Trung Quốc năm mậu thìn (1868). Đời tiên-sinh gồm có 3 lịch-sử : lịch-sử thăng trầm ở hề hoạn, lịch sử văn chương và lịch sử duy-tân. Tiên sinh là một trong những người sáng việc thời-thế nhất về thế-kỷ thứ 19. Chúng tôi sẽ nói tường tận về tiên-sinh trong tập Việt-Hoa bang giao cuốn thứ tư. S.B.

gửi một bức thư và một bài thơ. Về nước, nhà sư nên vì tôi nói với cố-nhân rằng: tôi vẫn còn nhớ lắm. Năm gặp ở Yên Kinh tôi có hẹn có ngày sang Việt-Nam thì đến thăm vườn Vân Lộc đánh chén một bữa. Thế mà thấm-thoát hai mươi năm rồi...

Tới bến sư Đại Tráng vội đến Kim Sơn trình Vân Lộc tiên-sinh bức thư. Bức thư thật dài, dưới kèm bài thơ Đường Luật :

Đô hạ tương-phùng nhị thập niên,
Bắc nam tung tích cự mang nhiên..,
Chỉ ưng phần lâm tiêu đồng trụ !
Trùng thính thi ca hựu tửu diên.
Vãng sự hồi tư tăng bạch phát
Tuế hàn tương thủ hữu thanh chiên.
Mang mang thâm phụ thừa xà ý,
Nghĩ khất Oa-hoàng bổ viễn thiên.

Hai mươi năm qua, thời gian đã đưa Trương Ấm Hoàn đến một địa vị cao quý trái lại Nguyễn tư Giản vì số phận long đong kết cục chỉ là một ông đồ. Nhưng, không vì thế mà Trương Ấm Hoàn quên

tình bạn thủa xưa.

Xem thế đủ biết sứ thần Việt-Nam được phái thượng-lưu trí-thức Trung-Quốc mến phục là chừng nào.

---

(1) Cũng như tác-giả Ngược đường Trường Thi, chúng tôi không làm sao dịch được bài thơ này ra Việt văn cho hay được, vậy chúng tôi mong độc giả cao-minh vui lòng dịch giúp cho. S.B.

II

Sứ-mệnh, hành-vi và tiết tháo của một vài vị tuế cống sứ Việt-Nam

Bàn về lễ sách phong, nhà văn-hào Phạm đình Hổ (1) tác-giả sách Vũ Trung tùy bút đã viết : « Đời Lê hễ có sứ Trung-

---

(1) Phạm đình Hổ tên tự là Bình Trực hiệu Tùng Hiên và Đông dã Tiều sinh năm Lê Cảnh Hưng thứ 31 (1770) người làng Đan Loan, huyện Đường An (nay thuộc phủ Bình giang, tỉnh Hải

Quốc sang phong vương thì phàm sự gì tất cũng phải họp triều-nghị, kén các quan bạn-tống, các hậu-mạng đón, tiếp sứ Trung Hoa tại cửa Nam Quan. Thường thường các vị Tuế Cống Sứ nhân việc

---

Dương, sứ Bắc Kỳ)là một tay cự phách trong làng văn về thời Lê-mạt. Năm tân tỵ (1821) vua Minh Mệnh ra Bắc thành nhận tước phong của vua Tầu cũng với tiên sinh lại nơi hành tại. Tiên sinh không những bàn việc nước rất hợp ý vua lại còn dâng ngài hai bộ sách : Lê triều hội điển và Bang giao điển lệ. Lúc ngự giá hồi loan tiên sinh được vời vào sung chức Hành Tẩu trong viện Hàn lâm Năm Minh mệnh thứ 7 (1827) được thăng Hàn Lâm viện biên tu rồi Thừa chỉ. Bấy giờ tiên sinh lại dâng vua hai bộ sách Annam chí và Ô châu lục đều được nhà vua khen thưởng và được đặc cách phong làm Quốc tử giám tế tửu. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) tiên sinh về trí sĩ. Tiên sinh là một nhà đại trước tác văn chương uẩn súc, đã soạn ra những cuốn sau này : Vũ trung tùy bút Tang thương ngẫu lục, Kiền khôn nhất lãm v. v. Thủa sinh thời tiên-sinh đã là một tay địch thủ thơ của nữ sĩ Hồ xuân Hương. Tiên sinh cùng Nguyễn Án và Xuân Hương sướng họa nên cả ba được người đương thời gọi là Tam tài tử. Tiên sinh mất năm canh tí (1840) thọ 70 tuổi.

gì cũng hay cãi lễ cần cho được như lễ khấu đầu, quỳ gối từ năm Khang Hi (1662-1722) đến năm Long đức đời Lê Thần Tông (1732-1735), năm Cảnh Hưng đời Lê Hiển Tông 1740-1785) vẫn còn giảng bàn và muốn theo lễ 5 lạy, 3 khấu. Ta (Phạm đình Hồ) xem Minh-đồ thấy lời nghị-luận của Chu Sán trao đổi cùng sứ thần Việt-nam còn chép trong tập « Thù vực chân tu » tập « văn bạ:-tổng » về năm tân-tỵ (1762 Cảnh hưng thứ 22) ghi chép cuộc xướng, họa tại Điện Diêu công-quán — nơi triều-đình tiếp Thanh-Sứ — cũng còn chép những bài thư văn bàn lễ của sứ Trung-Quốc là Hàn Lâm thị độc Đức Bảo. Đại lý tự Khanh Cố nhữ Tu. Một đoạn bàn đến lễ bái quy như sau này : « năm Ung Chính thứ sáu (1628) chúng tôi đã tuân theo điển-lệ, nay Nam Triều muốn thay đổi chúng tôi không nghe theo được. Nhà vương nếu muốn sửa đổi lễ bái quy xin tự trần-tấu nên chăng còn phải đợi Thánh Chỉ, chúng tôi không dám tự chuyên ».

Xem như vậy thì sứ-mệnh của những vị công sứ rất quan trọng và rất bảo

tạp. Đem chuông đi đánh nước người, các vị ấy không những phải luôn luôn giữ nguyên quốc-thể lại còn cố gắng làm cho người Trung - Hoa cảm phục nữa.

Thường thường một Tuế cống sứ sang Tầu khi đã dâng quốc-thư, cống phẩm nhận tước phong v. v, là nhiệm - vụ đối với vua, với nước đã thanh - thỏa nhưng các vị đó còn gắng làm hơn thế và đã khiến người Việt Nam hiểu Trung Quốc hay trái lại, người Trung-Quốc biểu nước Việt-Nam, không cần phải vượt qua cương giới. Lắm vị lại đem ở Trung Quốc về nước rất nhiều sách quý giúp vào nền văn học Việt-Nam. Một vài nghề như nghề in, nghề dệt lụa, thuộc da v.v. đều do những vị Tuế cống sứ đem ở Trung-Quốc về nước truyền bá cho dân Sự ích-lợi của những sứ đoàn thật đã hiển nhiên. Mà tiết-tháo, hành-vi và cử chỉ của ông cha ta thủa trước thật đáng nêu làm gương mẫu cho các nhà ngoại giao hậu tiến vậy.

Ứng đối giỏi

Năm ất-hợi (1275) Trần Thánh Tông (1258-1288) nhận chiếu của nhà Nguyên nhưng không chịu bái-mạng lại không trọng đại « Thiên sứ ». Nguyên thế Tổ biên thư sang trách. Thánh Tông sai Lê Đà và Đinh củng Viên sang sứ để biện-bác.

Thấy sứ-thần Việt Nam vào trầu, vua Mông-Cổ thét hỏi :

— Các ngươi là sứ-thần Nam-man phải không ?

Đinh củng Viên tâu :

— Tâu « Thiên Triều » vua mọi rợ mới gọi là Man. Nước Đại Việt chúng tôi là nước văn-hiến xưa nay chưa từng tranh bờ, lấn cõi nước nào, cũng không hà-hiếp ai, không thể gọi là Man được. Chúng tôi là sứ-thần Đại Việt chứ không phải là sứ thần Nam man.

Nguyên Thế Tổ thấy trả lời có ý xàm-báng liền hỏi :

— Man chúa nhà các ngươi không biết sức mình sao lại dám ngạo-nghễ với « Thiên Triều » ?

Đinh củng Viên cứng-cỏi đáp :

— Chúa chúng tôi vẫn chịu thần-phục Thiên Triều mới phải chúng tôi sang cống hiến sao lại gọi là ngạo-nghễ ?

— Vậy, sao chiếu-thư của « Trẫm » đến nơi, chúa các ngươi không chịu lạy mà cũng không trọng đãi « Thiên sứ » ?

— Lễ-bái chẳng qua là hư-văn che mắt thiên-hạ. Chúa chúng tôi kính-trọng « Thiên-Triều » cốt ở trong lòng ; nếu « Thiên Triều » xử nhân-đạo thì dù ngoại-quốc chẳng giữ lễ nhưng vẫn kính trọng muôn phần. Không kính-trọng thì bầy hương án, áo mũ lễ lạy-thụp cũng chẳng ra gì. Vả sứ-thần chỉ là một người « Thiên Triều » phái sang. Bệ hạ là vua một nước lớn. Chúa chúng tôi cũng là vua một nước nhỏ chỉ chịu kém bệ hạ, lẽ nào lại kém cả bầy tôi « Thiên Triều ».

Nguyên Thế Tổ hầm hầm quát :

— Quân Trẫm đi đến đâu tan đến đấy, chỉ sông, sông cạn, chỉ núi, núi tan. Cớ sao vua, tôi nhà ngươi lại dám chống-cự ?

Đinh ủng-dung tâu :

— Nếu Hoàng đế bệ hạ đem nhân-nghĩa ra trị thiên-hạ tất ai nấy cũng phải kính - phục. Nhưng, nếu chỉ cậy binh hùng, tướng dũng thì nước nào chẳng có binh, có tướng, có sông, núi hiểm-trở. Vì thế, nước chúng tôi tuy nhỏ song cũng đường-đột chống-cự lại quân Thiên Triều.

Nguyên Thế Tổ thấy sứ-thần Việt nam đối đáp trôi chảy, biện - bác hợp tình hợp lý bèn cho ra sứ-quán nghỉ-ngơi...

Chó nhà chủ cắn người lạ

...Tháng giêng năm ất - dậu (1285), chiếm xong các cửa ải Lạng Sơn quân Nguyên tiến xuống Vạn kiếp. Trần hưng Đạo đem chiến-thuyền, bầy trận Dực Thủy-cách Vạn kiếp 10 dặm—chống lại. Thoát Hoan thả quân ra đánh. Nam quân rút lui, chiến thuyền bị địch quân chiếm rất nhiều. Khi quân Nguyên chiếm Gia Lâm, Vũ Ninh, Đông Ngạn bắt được Nam quân

thấy cánh tay người nào cũng thích 2 chữ « Sát Thát » giết gần hết rồi tiến đến Đông bộ dầu cheo hiệu cờ. Giữa lúc ấy một hải đạo do Toa Đô chỉ-huy từ Quảng châu sang đánh nước Chiêm Thành cũng tiến lên mạn Thanh hóa, Nghệ An.

Trước tình thế nguy-ngập đó Trần nhân Tông (1279-1293) muốn sai tướng đến quân-doanh Nguyên điều-đình xin tạm hoãn-binh, luôn tiện dò xem lực-lượng địch quân thế nào ?

Chi hậu cục thủ Đỗ khắc Chung tình-nguyện lĩnh trọng-trách ấy. Đến nơi, Ô mã Nhi đem 2 chữ « Sát Thát » ra trách và nói : « Ai xui quân nhà ngươi thích chữ vào cánh tay xấc láo như vậy, thế là khinh nhờn « Thiên - binh » lỗi ấy to lắm.

Đỗ khắc Chung ung-dung trả lời ;
— Đó là lòng trung-phẫn của quân-sĩ tự trạm lấy chứ không phải ai xui chó nhà chủ vẫn thường cắn người lạ, sao

tướng quân lại nỡ giận trách thế? (1)

Ô-mã Nhi lại nói: Đại quân «Thiên Triều» ở xa đến sao vua, quan nhà ngươi không làm lễ nghênh-tiếp lại dám chống lại?

Đỗ khắc Chung đáp:

— Hiền tướng (trỏ Ô-mã Nhi) không theo cái kế của Hàn-Tín đánh nước Yên, đóng quân ở đầu cõi đưa thư báo tin trước, như thế mà chúng tôi không thông hiểu mới là có lỗi. Nay hiền tướng đến tận nơi, muông thú đến lúc cùng thì cắn, chim đến cùng thì mổ, huống chi người.

Ô-mã Nhi nói:

(1) Nguyên chữ Hán có câu: «Trích khuyển vệ Nghiêu nghĩa là chó thằng trộm tên là Trích cắn vua Nghiêu nhưng Đỗ khắc Chung lại nói như trên thì không nhũn; không tâng bốc người Tàu là vua Nghiêu mà cũng không làm mất thể-diện bảo mình là thằng ăn trộm. Phong dao Việt-Nam có câu: Chó đâu có cắn chỗ không, chẳng thằng kẻ trộm thì ông (?) ăn mày là do ở chuyện này ra.

chim tiêu biểu hạng tiểu nhân. Vẽ thế tức là để kẻ tiểu nhân đứng trên người quân tử. Tôi e rằng đạo tiểu nhân mỗi ngày một thịnh mà đạo quân-tử mỗi ngày một suy. Tôi mạn phép xé tranh là vì thế.

Quan khách dự tiệc ai nấy đều cho là có lý. Từ đó, tao nhân mặc khách Trung hoa tìm đến kết giao với Mạc đĩnh Chi rất đông. Giữa lúc danh tiếng Mạc đĩnh Chi lừng lẫy thì bà trưởng công chúa Tàu tạ-thế !

Trong lễ tế điếu công chúa, Mạc đĩnh Chi được quan Lễ bộ thượng thư Tàu cắt đọc văn tế.

Không ngờ bài văn tế chỉ gọn-gon gồm có 4 chữ « nhất — » Mạc đĩnh Chi hiểu ngay là các quan Tàu muốn « chơi chữ » thử tài mình. Nhưng ông vẫn điềm-tĩnh như không cất giọng sang-sảng đọc :

Vu sơn nhất đóa vân,
Hồng-lô nhất điểm tuyết.
Thượng uyển nhất chi hòa,
Quảng-hàn nhất phiến nguyệt.

Ý ! Vân tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt khuyết (1)

Một đóa mây núi Vu.
Một điểm tuyết lò hồng !
Một cánh hoa vườn Thượng uyển,
Một mảnh trăng cung Quảng.
Ôi ! mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết.

Mấy câu Mạc đĩnh Chi (2) ứng-khẩu ra hiện-thời còn chép trong sử Trung hoa và được người Tàu hết sức tán-thưởng.

---

(1) Theo sách Thuyết-phu-tùng-đàm thì câu này của Dương Ức.

2) Mạc đĩnh Chi vốn thuộc giòng họ Cơ nhà Chu bên Tàu. Khi nhà Chu mất nước, Cơ chất Khiết ở quận Trác Lộc rồi làm Chấp kích lang nước Hàn. Vì có quân-công, Cơ chất Khiết được tự tính là họ Mạc rồi được thực ấp ở Trịnh ấp. Từ đời Mạc chất Khiết trở về sau đời nào con cháu cũng hiển-đạt và thiên-cư dần về phía nam Trung quốc. Đời Nam Tống (1127-1278) họ Mạc sinh-tụ ở Quảng Đông thịnh lắm, một chi rời Phiên Ngung (tỉnh thành tỉnh Quảng đông) sang ngụ tại làng Lũng động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải dương nước Nam được vài đời đến đời Mạc hiển Tích

Ngựa ba chân

Niên hiệu Thái-Hòa (1443-1453) đời Lê nhân Tông (1443-1459) trạng nguyên Nguyễn Trực và bảng nhỡn Trịnh thiết Trường (1) sang sứ Trung quốc. Gặp kỳ

---

thi hiển-đạt. Năm bính dần (1086) niên hiệu Quảng Hữu thứ hai triều Lý Nhân Tông (1072-1127) Mạc hiển Tích đỗ Văn-học-thủ-tuyển làm quan đến thượng-thư. Em Tích là Mạc hiển Quang cũng đỗ văn học thủ tuyển năm kỷ-tị (1089) niên-hiệu Quảng-hữu thứ 5. Mạc đĩnh Chi cháu 5 đời Mạc hiển Tích-tự là Tiết Phu mặt mũi xấu xí, lất-choắt, lên 4 tuổi đã bồ-côi bố. Chi rất thông-minh và có nhiều thiên-tư dĩnh ngộ nên theo học Chiêu văn vương Trần ích Tắc chẳng bao lâu đã nổi tiếng văn-tài. Năm giáp-thìn (1304) đời Trần Anh Tông Chi thi đình văn hay hơn cả các sĩ-tử nhưng nhà vua thấy Chi xấu xí không muốn dùng làm quan. Chi làm bài phú Ngọc-tỉnh-liên tự ví vào mình vua mới ưng cho đỗ trạng nguyên. Năm canh-tuất (1310) vua nhà Nguyên phong Trần Anh Tông làm Annam quốc vương. Để cảm tạ Bắc triều, Trần Anh Tông sai Mạc đĩnh Chi sang sứ Tàu. Chúng tôi sẽ nói tường tận về sứ-bộ này trong tập Việt, Hoa bang-giao (cuộn I, đời Đinh, Tiền-Lê, Lý, Trần, Hồ).

thì hai vị đó cùng xin ứng-cử. Văn của Trịnh thiết Trường có phần hay hơn của Nguyễn trực Trường bảo Trực :

— Ở nước nhà tôi đỗ bảng-nhỡn mà bác đỗ trạng-nguyên ; chẳng lẽ sang đây tôi lại đỗ cao hơn bác. Vậy tôi giả cách viết lầm một chữ để lại đỗ kém bác một

---

(1) Nguyễn Trực tự Công-Đĩnh hiệu Sưu Liêu (có sách chép là Vân Liêu người làng Bối Khê, Thanh oai, Hà đông, cha là Thời-Trung ngụ tại Nghĩa Hương huyện An-sơn (nay thuộc Quốc oai Sơn Tây) sinh ngày 16 tháng 5 năm đinh dậu (31 mai 1417) đỗ trạng nguyên năm 26 tuổi khoa nhâm-tuất niên hiệu Đại bảo thứ ba (1443). Niên hiệu Thái-hòa (1443-1453) đời Lê nhân Tông (1445-1459) Nguyễn Trực làm Hàn lâm học sĩ, vỗ kỵ úy sau thăng An phủ sứ ở Nam sách rồi thăng hàn lâm viện thị giảng kiêm ngự tiền học sinh, hai cục thị cận và thị ngự tiền. Với chức Trung thư thị lang niên hiệu Thái hòa thứ ba (1445) Trực đi sứ Trung hoa. Khoảng năm Diên ninh 1454-1459 Minh sứ là Hoàng Gián sang nước ta. Nguyễn Trực viết những thư từ đi lại và bài biểu mừng Minh Anh Tông lên ngôi được Hoàng Gián khen ngợi. Lúc Gián về nước có làm 14 vần thơ lưu biệt Nguyễn Trực.

chút cho khỏi mang tiếng nước nhà tuyền-trạch không tinh.

Trong bài văn của Trịnh thiết Trường có câu : « Nam chi chu, bắc chi mã » Thiết Trường liền viết chữ « mã » có ba nét chấm. Bởi vậy, văn Thiết Trường tuy hay nhưng quan trường lấy đỗ Bảng nhỡn mà Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên.

Nguyễn Trực vâng mệnh vua hoạ lại. Lê Nhân Tông rất hậu đãi Trực sai Trùng sứ đồ họa cục vẽ tượng Trực treo ở tả, hữu. Nhà vua còn tự tay viết bốn chữ « Bối khê biệt thự » để Trực treo ở Tư-đường.

2) Trịnh Thiết Trường người xã Đông-lý, huyện Yên định, phủ Thiệu Thiên 25 tuổi đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa nhâm-tuất năm Đại bảo thứ 3 (1442) Nhưng giận không đỗ tiến sĩ cập đệ Trường xin thôi về. Năm Thái Hoa thứ 6 1448 khoa mậu-thìn Trường đỗ bảng nhỡn. Ngoài chuyến đi sứ cùng Nguyễn Trực mùa thu niên-hiệu Diên Ninh 1454-1459 thứ tư (đinh sửu 1467) Trịnh thiết Trường còn phụng mệnh sang Trung quốc mừng vua Minh Anh Tông lập Hoàng Thái Tử.

Nhưng, người Trung Quốc căm tức chữ «Bắc mã» là ngựa Tầu mà chỉ có ba chấm tức là có ba chân nên khi tiễn sứ Việt-Nam về nước, họ đem con ngựa buộc lại một chân để Trịnh thiết Trường cưỡi. Nếu Thiết Trường không đi được sẽ phải lưu lại Trung Quốc để Nguyễn Trực về trước. Trịnh thiết Trường biết vậy mới làm một cái chân giả bằng gỗ buộc vào chân ngựa nên ngựa ba chân mà vẫn đi được đến một dặm đường. Thấy thế, sĩ-phu Trung Hoa chịu Trịnh thiết Trường ứng-biến giỏi liền cởi chân ngựa cho đi đều với ngựa Nguyễn Trực.

Tô-Vũ Việt-Nam

Lê quang Bí là con Lê Nại, cháu Lê thúc Hiền, cháu ngoại Vũ Quỳnh, chắt Lê cảnh Tuân người làng Mộ Trạch Hải-Dương. Lên 5 tuổi, Bí đã hiểu học được người đương-thời tôn là Thần Đồng; 16 tuổi Bí đỗ Hương giải, 33 tuổi đỗ hoàng giáp Niên hiệu Thống-nguyên (1527) đời Lê

cung Hoàng, Bí lĩnh chức hộ-bộ-tả-thị-lang, được cử đi sứ Trung Quốc. Bấy giờ có cả Trung-Sứ đi theo chuyên giữ cống-phẩm. Nhưng, đến Nam-ninh viên tổng-đốc Quảng-Tây mở hòm cống-phẩm ra duyệt lại thì thấy tượng vàng « Đại thân kim nhân » là vàng giả liền tâu về kinh. Minh thế Tông cho là vô lễ bắt Bí giam vào ngục Bắc-ná Quan, lấy vỏ hến úp vào hai mắt, gắn chặt lại rồi tuyên bố rằng bao giờ dê đực đẻ, ngựa mọc sừng, Bí mới được phép về nước Nam.

Lê Quang Bí vẫn điềm tĩnh như thường không chút sợ hãi. Bấy giờ về mùa đông, hễ thấy trời nắng Bí lại nằm phơi bụng ra ngoài trời. Người Minh hỏi thì Bí vỗ bụng nói : « Tôi phơi sách vở trong bụng này cho khỏi mốc » Tức thời họ bắt Bí đọc cả bộ « Đại học » Bí đọc suốt một lượt không sót một chữ nào. Triều thần Trung Quốc thấy vậy liền xin vua Tầu bỏ hai vỏ hến gắn mắt Bí ra và cho Bí vào ngụ tại khách quán. Rảnh tâm Bí soạn ra tập thơ đề là : « Vịnh cổ hương chi tiền

bối » và « Tư hương vận lục » trong đó có hai bài vịnh Lê cảnh Tuân (1) và Vũ Quỳnh (2) lời lẽ rất lâm-ly.

---

(1) Lê cảnh Tuân là một vị trung thần đời Trần mạt. Khi Hồ quý Ly cướp ngôi nhà Trần, Tuân đã làm đại-biểu cho một phái ngoại viên ở nước Nam để sang Tầu cầu-cứu nhà Minh trừ họ Hồ. Nhưng, sau khi bắt được cha con họ Hồ, Minh Thành Tổ (1403-1424) lại chia nước Nam làm châu, quận của Tầu. Hối hận về kế hoạch lầm lỡ của mình, Lê cảnh Tuân viết một bức « Vạn ngôn thư » cho đồng chí là Bùi bá Kỳ lời lẽ rất cảm-động. Kế đó, Tuân âm-mưu việc khôi phục nhưng bại-lộ bị người Minh bắt giải về Yên Kinh. rồi bị chết trong ngục.

(2) Vũ Quỳnh tự là Thủ Phác, hiệu là Đốc Trai và Yên Xương. người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, sau đổi là Năng-An, phủ Thượng Hồng tỉnh Hải-dương đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ (hoàng giáp) khoa Mậu-tuất (năm 1478) Niên hiệu Hồng Đức (1470-1497 thứ chín (1473) đời Lê Thánh Tông (1460-1497). Quỳnh giữ chức đài - gián, không kiêng kỵ người quyền-quý, mà làm quan ở Đông-hải thì nổi tiếng ân-tín. Bình sinh Quỳnh là người học rộng, hay khảo cổ, được đời tôn là bậc thầy từng kiêm chức tổng-tài ở sử-quán. Quỳnh soạn bộ Việt giám thông khảo gồm 85 quyển chép từ đời Hồng Bàng đến đầu đời Lê Thái Tổ.

Tài học Lê quang Bí dần dần lừng lẫy khắp kinh-đô Trung Quốc. Mộ tài Bí, một người Tàu tên là Đặng hồng Thần đã đỗ cử nhân xin làm học trò. Đến khoa thi năm kỷ-vị, Thần đỗ tiến sĩ được bổ tri huyện hạt Quảng Đông rồi được thăng chủ sự ở Yên Kinh. Thương thầy học cũ bị yêm-lưu ở đất Tàu đã lâu, Đặng hồng Thần làm sớ kể rõ tình trạng của Bí tâu lên Minh đế! Minh đế cho vời Lê quang Bí vào trầu, an ủi ít câu rồi ba tháng sau cho về nước. Thần đặt tiệc khoản đãi và tiễn thầy gấm, bạc rất nhiều. Bấy giờ là năm ất-tị (1545). Tính ra từ lúc Lê quang Bí đi sứ đến khi về vừa đúng 17 năm chẳng khác nào Tô Vũ đời Hán. Bí về nước thì ngôi vua đã về tay họ Mạc. Hiến Tông (Phúc Hải 1541-1546) thăng Bí làm lại bộ thượng thư Tô xuyên hầu, khi mất lại được truy phong Thiếu Bảo Tô quận công...

Công việc của Phùng khắc Khoan

Đi sứ mà không làm nhục mệnh vua

lại đem sở học của mình ra giúp ích được cho dân, cho nước thì người ta phải kể Phùng khắc Khoan đầu tiên.

Phùng khắc Khoan người làng Phùng xá, huyện Thạch Thất (Sơn tây) tự Hoằng Phu, hiệu Nghi Trai đỗ thủ khoa đời Lê Trung Tông (1548-1556) và bảng nhỡn niên-hiệu Quang hưng (1578-1599) thứ hai (1580) đời Lê Thế Tông (1573 - 1599), là anh em cùng mẹ, khác cha với Nguyễn bỉnh Khiêm tức Trạng Trình. Từ khi còn nhỏ Phùng khắc Khoan đã có tư - chất thông minh. Lớn lên, Khoan xuống Hải Dương theo học Nguyễn bỉnh Khiêm, Bấy giờ nhà Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hóa, Bỉnh Khiêm xem thiên-văn biết cơ-trời, liền bảo Khắc Khoan vào Thanh Hóa phò Lê chúa. Năm đinh dậu (1597) khi xa-giá vua Lê thế Tông ở Nam Quan về Thăng Long, Bình An vương Trịnh Tùng (1570-1620) phái Phùng khắc Khoan xung chức chánh sứ. Nguyễn nhân Thiêm xung chức phó sứ đem cống

phẩm sang Yên Kinh cống hiến nhà Minh và xin thụ phong.

Lĩnh trọng trách trong tình thế khó-khăn vì bấy giờ nhà Minh còn « ngả » về họ Mạc, Phùng khắc Khoan không để nhục đến quốc thể. Khoan đến Yên Kinh thì vừa gặp ngày tết Nguyên Đán Đinh-thần và các sứ-giả ngoại quốc mỗi người đều phải dâng một bài thơ chúc mừng vua Minh.

Riêng Phùng khắc Khoan, một lúc, dâng 36 bài thơ, bài nào cũng hay. Minh Thần Tông cực lực khen ngợi và phê vào tập thơ ; « Hà-địa bất sinh tài » (đất nào chẳng có người tài) rồi đặc cách tặng Phùng khắc Khoan làm Trạng nguyên (ở nước Việt Nam Khoan chỉ đỗ nhị giáp tiến sĩ)

Phùng khắc Khoan lại còn biện bác để tránh cho Nam Triều khỏi phải đúc người vàng cống hiến như về đời Mạc (1527-1592) Lúc rảnh, Phùng khắc Khoan họa thơ đối-đáp với Lý toái Phong sứ-thần Cao Ly, khiến Lý rất bái phục. Tuy nhiên cống-phẩm của triều Lê những

Minh Thần Tông vẫn « thiên » về họ Mạc, chỉ phong cho Lê thế Tông làm Annam đô thống sứ hàm quan nhị phẩm Minh triều. Minh đế lại ban cho chánh sứ Phùng khắc Khoan một đồng kim-tiền, phó sứ Nguyễn nhân Thiềm một đồng ngân tiền. Niên hiệu của Thần-Tông là Vạn Lịch nên trong hai đồng tiền ấy đều khắc bốn chữ « Vạn Lịch thông bảo».

Thấy Minh đế chỉ ban cho vua nước mình một chức nhỏ, Phùng khắc Khoan dâng sớ tâu :

« Đô-thống-sứ là tước cũ của họ Mạc Vua nước Việt-Nam chúng tôi hiện thời là giòng giõi chính-thống, con cháu nhà Lê. Thiên-triều phong cho chức ấy thật không xứng đáng. Chúng tôi không dám nhận sắc mệnh. Xin hoàng đế xét cho »

Minh Thần Tông trả lời :

— Vẫn biết họ Lê không thể ví như họ Mạc được nhưng buổi đầu hãy tạm giữ chức ấy sau này hãy ban cho tước vương tưởng cũng chẳng muộn.

Phùng khắc Khoan hậm-hực lui ra trong lòng tức-giận lắm. Trở về quán dịch, Phùng khắc Khoan tháo đồng kim-tiền ném xuống đất nói :

— « Vua Tầu khinh vua nước mình thế, ta còn giữ vật này làm gì cho thêm nhục ».

Phó sứ Nguyễn nhân Thiềm cúi xuống nhặt đồng tiền chao lại cho bạn và nói :

— Vẫn biết vua nhà Minh xử với vua nước mình tệ thật song mạnh được, yếu thua là lẽ thường. Ta không ưng-thuận cũng không xong mà đương-đầu với họ thì tránh sao cho khỏi nạn binh hỏa ; ở đây, nhà xa, cảnh lạ, xung-quanh tai vách, mạch rừng, ta hãy nên nhẫn-nhục. Ví có ai biết chuyện mình ném tiền vua Tầu ban cho tâu với Minh Đế thì 2 ta sẽ khó lòng về nước được. Vậy, nếu ông cho đeo chiếc kim tiền là nhục thì cho quách tôi, tôi sẽ để cả hai đồng vàng, bạc vào chung một hộp giữ làm kỷ-niệm về việc ta đi sứ Tầu.

Phùng khắc Khoan nói gắt :

— Thì đấy, tôi cho ông đó ; xin thêm tước cho vua mà không được thì mình còn hám lĩnh thưởng làm gì ? Cả đến chức Annam đô thống sứ tôi còn chẳng coi vào đâu nữa là đồng tiền vàng 1 lạng. Ông có lấy thì nên giữ mà chơi, về nước nhà đừng có đeo mà thêm nhục.

Chuyện đến tai các quan Tầu ; muốn làm nhục Khoan họ vin vào chuyện Mã Viện sang đánh nước Việt nam dựng cột đồng-trụ khắc chữ : « Đồng-trụ chiết, Giao chỉ tuyệt » ra một vế đối ngụ ý khinh bỉ nước Nam :

Đồng-trụ chí kim đài vị lục
(Cột-đồng đến nay rêu chửa xanh).

Chẳng nể-nang gì Phùng khắc Khoan lấy ngay việc Ngô Vương Quyền đuổi Hoằng Thao và Trần hưng Đạo đánh quân Nguyên tại sông Bạch Đằng đối lại :

Đằng giang tự cổ huyết do hồng
(Sông Đằng tự xưa máu còn đỏ).

Đấu trí không ăn thua họ tìm cách ngăn không cho Phùng khắc Khoan đem

sách Tầu về nước Nam. Nhưng họ không ngăn được trí nhớ của Phùng !

Việc làm đặc sắc của Phùng khắc Khoan là việc khuếch-trương tiểu công-nghệ Việt Nam lúc đó đang ở trong thời-kỳ phôi-thai. Trong lúc thăm các đô-thị Trung Hoa Phùng chú-ý nhất đến nghề dệt tơ lụa. Lưu lại xưởng dệt dòng giã luôn 7 hôm liền, nhờ những mưu-mẹo khôn-khéo, Phùng đã đánh cắp được những bí-mật của nhà nghề đinh ninh khi về nước sẽ bảo cho đồng-bào biết. Lại khi qua những ruộng đất phì nhiêu bên Tầu, Phùng khắc Khoan còn nhận thấy hai thứ cây bên ta không có. Đó là cây ngô và cây vừng. Khoan muốn mua hạt giống hai thứ cây đó đem về nước. Nhưng, Minh Thần Tông đã cấm không được bán hạt giống ra ngoại quốc. Trái lệnh sẽ bị phạt nặng. Dù sao Khoan cũng tìm được cách đem về nước hạt giống hai thứ cây ấy. Đến cửa ải Nam-Quan bị quan coi ải khám-xét, Khoan dấu ít nhiều hạt giống trong người. Về đến nhà Khoan theo phương-pháp người Tầu trồng

những hạt ngô và vừng tại làng Phùng xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Chẳng bao lâu hai thứ cây ấy mọc mỗi ngày một nhiều và dần dần khắp miền châu-thổ, dân gian đua nhau giồng ngô và vừng gây cho nước ta một nguồn lợi lớn. Đã thế Khoan còn theo phương pháp Tàu dậy dân nghề dệt the, lượt «Bùng» mới.

Ngày nay, để tỏ lòng biết ơn, tại làng Phùng xá, sinh quán Phùng khắc Khoan dân-chúng đã dựng đền thờ ông tổ nghề dệt lụa và trồng cây ngô, cây vừng.

Vua Càn Long bằng lòng gả công chúa cho vua Quang Trung và ưng trả lại nước Nam tỉnh Quảng Tây

Tuy vua Càn Long (Thanh Cao Tông) đã nhượng-bộ về việc cống-hiến, tuy thời-thường nhà vua vẫn ban cho vua Quang Trung sâm, nhung, gấm, vóc, phong vua Quang Trung làm Annam quốc

vương và ưu đãi sứ thần Việt Nam nhưng vua Quang Trung vẫn không lấy thế làm mãn-nguyện. Nhà vua hi-vọng lớn-lao hơn nghĩa là ngài còn trù tính đòi lại đất Quảng đông, Quảng Tây bằng sức mạnh của súng đạn. Vị quan được vua Quang Trung uỷ lĩnh chức chánh sứ được toàn quyền ứng tấu để xin vua Tầu trả đất Lưỡng Quảng cho nước Nam là Hải Dương Chiêu Viễn hầu, đại đô đốc, đại tướng quân Vũ văn Dũng.

Nhận được sắc văn của vua Quang Trung để ngày 15 tháng tư năm nhâm-tí (1792 Quang Trung thứ 4) Vũ văn Dũng vội-vàng từ Hải Dương vào Phượng hoàng trung đô (Nghệ An). Nhà vua đinh-ninh dặn dò Dũng công việc sứ-trình và cần nhất Dũng phải chú-ý xem xét địa-thế, sơn xuyên ở Trung-Quốc để tiện việc dùng binh sau này. Dũng vâng-mệnh rồi bái biệt vua Quang Trung lên đường. (1)

Tới Thanh-triều, bệ kiến vua Càn Long

---

1) Thuật theo tài-liệu của Lê văn Hòe Trung Bắc chủ nhật xuân quý mùi 1943.

xong Vũ văn Dũng dâng tấu chương đại-khái nói :

— « *Thần ở đất Nam-giao xa cách, lễ-văn khiếm-khuyết nhiều điều. Nay có hai việc quan hệ đến phong-hóa, hệ tại bang-gia, thần đẳng nghĩ ngợi bàn tán lâu rồi mà chưa quyết. Nay mạo muội tâu lên bệ hạ mong ngài xét cho. Việc thứ nhất là việc vợ chồng gốc của nhân luân. Thần - quốc vương xuân thu đỉnh thịnh mà phối - thất chưa được nơi. Người trong nước đều là thần-tử cả, theo lễ không ổn mà lân quốc đều được phiên phong, tục họ đáng ghét. Việc cầu hôn nghị đã lâu ngày mà chưa sao định được. Cúi mong thánh-thượng xét thương cho.*

Việc thứ nhì là việc định đất đóng đô. Nước thần ở vào nơi hẻo lánh, xe thuyền khó nỗi giao-thông, côn sơn phù mạch, vượng khí không nhiều mà lại bị bọn quan đô-hộ nhẫn tâm tạo đoan mất hết thành ra việc định đô nghị mãi không xong, cúi mong thánh thượng xét cho.... »

Tấu-chương tâu lên bách quan Trung hoa người thì hầm hầm mặt giận, người

cười nhạt lạnh-lùng, vẻ bất-bình lộ ra nét mặt. Duy có một vị thượng quan là không tỏ vẻ gì (có lẽ vị ấy là Hòa Thân) Vua Càn Long ra lệnh để bản tấu lên ngự lãm. Nhà vua thân cầm bút châu-phê chỗ khuyên, chỗ gạc rồi giao xuống đình thần nghị xét.

Hôm sau khi bệ kiến vua Càn Long ở Ỷ lương-các về sứ quán, Vũ-văn-Dũng bàn-bạc cùng nhân-viên sứ-đoàn rồi dâng một tấu-chương nữa lên vua Càn Long :

« Người lớn thương xót người bé đó là quân tử chi tâm ; lấy văn minh khai hóa man di đó là thánh-nhân chi lượng (1)

Đó cũng là thể theo ý trời đất chở che vun

---

1) Nguyên-văn 2 bản tấu chương này chúng tôi sẽ in trong cuốn Việt, Hoa bang-giao mục nói về « cuộc bang-giao nhà Tây Sơn với Bắc triều».

đắp vậy. Nước thần là một phiên thuộc ở cõi xa xôi, bấy lâu vẫn tôn sùng thanh giáo. Từ đời nhà Triệu trở về sau đổi 6 họ đến 12 sứ-quân đã bao lần bể dâu biến đổi. Rồi từ đời Lê Hoàn tới giờ, trải hơn mười đời, biên-dân gặp phải tai-ương, lê-thứ chịu bao đồ thán. Đó cũng là vì địa-khí thương-tàn, vượng kỳ bất chính xui nên vậy. Cúi mong chín từng xoi xét mở lòng nhân thương khắp muôn dân, chuẩn ban cho 2 tỉnh Quảng làm nơi đóng đô và lý-giáng cho thần quốc-vương một nàng công-chúa để xây nền phong-hóa cho dân ở nơi biên-thùy, khiến Thần quốc-vương được gần gụi hầu bên bệ hạ, hứng đón hoàng-phong, nhuần ơn mưa móc, hưởng nền bình trị, vĩnh khánh cửu trùng thì thật là cái đại-khánh của Thần Quốc Vương vậy.

Tiếp Sứ-thần Việt-Nam ở Ỷ lương các vua Càn Long ban hỏi mọi việc thấy tấu đối khôn ngoan, hợp tình, hợp lý đã tỏ lời khen-ngợi là biết lẽ quân, thần, là không nhục vương mệnh, nên nay thấy tấu-chương của Vũ văn Dũng Ngài bèn ưng chuẩn cho cả 2 việc, song, 2 tỉnh Quảng thì Ngài chỉ chuẩn cho vua Việt-nam một tỉnh Quảng-Tây.

Hôm sau, Thanh đế ban yến tại triều đãi sứ Việt-nam và sai lễ bộ thượng thư sửa soạn việc hôn nghị để định ngày đưa công-chúa sang Việt-nam.

Ăn yến xong Vũ văn Dũng tiếp được thiếp của bộ Lễ vời tới : bộ lễ hỏi Dũng vua Quang Trung năm ấy bao nhiêu tuổi để xem ngày định việc vu quy.

Vũ văn Dũng đáp : « Con gái Hoàng Đế không giống con gái nhà thường dân ly giảng lương kỳ, cứ do mệnh lệnh Hoàng đế định đoạt là đủ việc gì phải câu nệ tục thường. Vả chăng tục nước tôi vua bao nhiêu tuổi thần dân không được biết nên tôi không dám trả lời bậy-bạ.

Lễ quan mỉm cười nói : « Thực ư ? Đó là nghe ngoại-quốc sùng thượng tả đạo nên hỏi đùa như vậy thôi ! Chứ không cần phải lựa chọn ngày tháng ». Vũ văn Dũng làm tròn sứ-vụ chỉ còn đợi ngày về nước thì 1 buổi chiều đang ở sứ quán tự-nhiên ông thấy nóng ruột và máy mắt luôn luôn Dũng không biết sẽ có sự gì xẩy ra, thì nghe bọn quan tiếp sứ (người Tầu) nói riêng với nhau :

— Tòa tư-nhiên xem tinh - tượng nói vua nước Nam sẽ có tai-ương lâm thân, chẳng hay sứ thần Việt-nam đã biết chưa?

Có người trả lời :

— Đến đại-thần nước ta cũng nhiều người không biết huống-hồ là Man sứ! Vũ văn Dũng hiểu ý ba ngày liền ở nhà ai mời chơi bời yến tiệc cũng từ chối. Ngày thứ 3 bỗng có thiếp của viên chánh tổng tài Trung hòa đường mời Dũng đến chơi có việc cần-cấp. Viên Tổng Tài hỏi Dũng sao ba hôm liền không chịu ra ngoài ?

Vũ văn Dũng đáp

— Chúng tôi khi ở nước nhà hễ vua lo thì bầy tôi cũng không yên. Thế mà 3 ngày nay, chúng tôi nóng ruột quá, không hiểu vua nước tôi có sự gì khẩn cấp mà bầy tôi không yên lòng ! Cho nên tôi không dám đi đâu chơi xin quan lớn thứ lỗi.

Trung hòa Đường nói : Đã vậy xin mời Ngài về sứ-quán nghỉ-ngơi.

Hôm sau có chỉ triệu Dũng vào bệ kiến

SÁCH CỦA

SÔNG BẰNG BẾ LÃNG NGOẠN

Sẽ lần lượt xuất-bản

1. *Việt, Hoa bang-giao* (tập I đời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ).

2. *Việt, Hoa bang-giao* (tập II đời Hậu Lê Mạc, Lê Trung Hưng phụ thêm cuộc giao thiệp với nước Nhật Bản và các nước Âu Tây).

3. *Việt, Hoa bang giao* (tập III đời Nguyễn Tây Sơn).

4. *Việt, Hoa bang giao* tập IV (đời Nguyễn bản triều phụ thêm cuộc giao thiệp với nước Chân Lạp và Xiêm-La).

5 *Việt sử thuyết-minh* (truy-nguyên, phê bình phán-đoán sử thật Việt-nam).

6. *Việt sử khẩu-truyền* (truy nguyên những phong giao Việt-nam liên lạc với Việt-sử qua các thời-đại).

7. *Pháp, Việt sơ giao* (khởi-thủy từ thế-kỷ XV đến thế kỷ XVII

8. *Hồ Quý Ly*

9. *Mạc-Triều*

10. *Anh hùng đất Việt.*

ĐANG IN :

Công và tội mấy bậc vỹ-nhân Việt-Nam

QUỐC HỌC THƯ-XÃ

SẮP PHÁT-HÀNH

LÊ VĂN HÒE	**Thành thế-Vỹ**
Lịch-Sử báo chí hoàn cầu	Triết Học tạp bút v. v...
Lược-luận về phụ-nữ Việt-Nam.	
Trung-Hoa địa-danh âm thích.	**Nguyễn-khắc-Kham**
Khổng Tử Học Thuyết pho II (gồm quyển II và III)	**Vũ-Bằng**
Khổng Tử Học Thuyết pho III (gồm quyển IV và V)	**Lê-văn-Hòe**
Luận Ngữ Chính Nghĩa	Nghệ-Thuật và Danh-Giáo
LAM GIANG	***ĐƯƠNG SOẠN***
Luận lý du thuyết yếu thuật	Việt-Nam Văn-Pháp
Đông Tây thi ca hợp giải	Khảo về văn biền ngẫu
MÂY NGÀN	Lịch-triều chính-chế sử
Thơ Mây Ngàn	Tầm nguyên đại từ điển
SÔNG BẰNG	Tân học thuật từ điển
Việt Hoa Bang Giao Sử	Việt-Nam bách khoa đại từ-điển
	v. v...

Imp. Thuy-ky Hanoi